

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch cung ứng điện năm 2026
trên địa bàn tỉnh Sơn La khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn
hoặc vận hành ở chế độ khẩn cấp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật điện lực ngày 30/11/2024;

Căn cứ Nghị định 18/2025/NĐ-CP ngày 08/02/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống đảm bảo cung cấp điện;

Căn cứ văn bản hợp nhất Thông tư số 18/VBHN-BCT ngày 07/08/2024 của Bộ Công Thương - quy định về việc lập và thực hiện kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện; Thông tư số 46/2025/TT-BCT ngày 06/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng; Thông tư số 06/2025/TT-BCT ngày 01/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 377/TTr-SCT ngày 26/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch cung ứng điện năm 2026 trên địa bàn tỉnh Sơn La khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn hoặc vận hành ở chế độ khẩn cấp (có Kế hoạch cung ứng điện năm 2026 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương có trách nhiệm:

Giám sát việc thực hiện cắt điện khi mất cân đối cung cầu hệ thống điện miền Bắc năm 2026 trên địa bàn tỉnh của Công ty Điện lực Sơn La theo Kế hoạch đã được phê duyệt tại **Điều 1**; giải quyết các khiếu nại của khách hàng trên địa bàn tỉnh về tình hình cắt điện khi mất cân đối cung cầu theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Công ty Điện lực Sơn La có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cung ứng điện trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2026 theo **Điều 1** Quyết định này.

- Hạn chế tối đa việc cắt điện tiết giảm khẩn cấp khi có sự cố nguồn đột xuất đối với các khách hàng sử dụng điện quan trọng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, đặc biệt là các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng diễn ra trong năm 2026, các khách hàng sản xuất đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Thực hiện việc cắt điện tiết giảm khẩn cấp khi mất cân đối cung cầu hệ thống điện miền Bắc theo đúng trình tự quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện; đồng thời thông báo cho các khách hàng thuộc diện phải cắt điện khi mất cân đối cung cầu để khách hàng biết và chia sẻ.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo đúng quy định của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND xã, phường; Giám đốc Công ty Điện lực Sơn La; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Biên KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

KẾ HOẠCH CUNG ỨNG ĐIỆN NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA KHI HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA THIẾU NGUỒN HOẶC VẬN HÀNH Ở CHẾ ĐỘ KHẨN CẤP

1. CĂN CỨ VÀ MỤC ĐÍCH CỦA KẾ HOẠCH CUNG ỨNG ĐIỆN

1.1. Căn cứ lập kế hoạch

Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Nghị định 18/2025/NĐ-CP ngày 08/02/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống đảm bảo cung cấp điện;

văn bản hợp nhất Thông tư số 18/VBHN-BCT ngày 07/08/2024 của Bộ Công Thương quy định về việc lập và thực hiện kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện;

Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện; Thông tư số 46/2025/TT-BCT ngày 06/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng; Thông tư số 06/2025/TT-BCT ngày 01/2/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia;

Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo;

Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường tiết kiệm điện trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo;

Công văn số 2939/EVN-KTSX+KD ngày 01/06/2023 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về ban hành bảng phân bổ mức ngừng giảm cung cấp điện khi Hệ thống điện Quốc gia vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp.

Công văn số 2496/EVNNPC-KT ngày 02/06/2023 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc phân chia mức ngừng giảm cung cấp điện cho các Công ty Điện lực thành viên khi hệ thống điện Quốc gia vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp.

Công văn số 5624/EVNNPC-KT ngày 09/11/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc lập phương án vận hành năm 2026.

1.2. Mục đích của kế hoạch:

Kế hoạch cung ứng điện năm 2026 được lập làm cơ sở để Công ty Điện lực Sơn La vận hành trong các trường hợp sau:

- Là kế hoạch vận hành trong các chế độ vận hành bình thường, sự cố năm 2026.
- Trường hợp HTĐQG thiếu nguồn (được quy định tại văn bản 18/VBNH-BCT ngày 07/08/2024 của Bộ Công thương V/v lập và thực hiện kế hoạch cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện): Chế độ này được Đơn vị Điều độ HTĐ Quốc gia công bố trong các phương thức, kế hoạch vận hành năm, tháng, tuần.
- Trường hợp HTĐQG vận hành ở chế độ cực kỳ khẩn cấp (được quy định tại Thông tư quy định về xử lý sự cố trong HTĐ Quốc gia): Được thực hiện khi có lệnh điều độ trong thời gian thực của Đơn vị Điều độ HTĐ Quốc gia, Điều độ HTĐ miền Bắc.

2. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH CUNG ỨNG ĐIỆN NĂM 2025

2.1. Nguồn điện và lưới điện

2.1.1 Nguồn cấp từ máy cắt các trạm biến áp (TBA) 220kV, 500kV:

- TBA 500kV Sơn La (2x900 MVA).
- TBA 220kV E17.6 Sơn La (2x250 MVA).
- TBA 220kV E17.50 Mường La (2x125 MVA).

2.1.2 Các nguồn điện đấu nối lưới 220kV, 500kV

- Thủy điện Sơn La A17.0 (6x400 MW);
- Thủy điện Nậm Chiến 1 A17.25 (2x100 MW);
- Thủy điện Huội Quảng A29.10 (2x260MW);
- Thủy điện Suối Sập 2A A17.55 (2x49,8MW);

2.1.3 Các nguồn điện đấu nối lưới 110kV và lưới trung, hạ áp.

- Gồm 57 nhà máy thủy điện nhỏ đấu nối lưới 110kV và lưới trung áp với tổng công suất 639,05MW.

- 700 hệ thống ĐMTMN nối lưới trung hạ áp, tổng công suất 61,479 MWp.

2.1.4 Lưới điện 110kV:

- Trên địa bàn tỉnh có 37 trạm biến áp 110kV; trong đó: 09 trạm/13 máy/421 MVA thuộc tài sản ngành điện phục vụ phân phối và 28 trạm/39 máy/596,9 MVA phục vụ truyền tải các nhà máy thủy điện nhỏ nối lưới thuộc tài sản của các chủ đầu tư.

- + Có 22 đường dây 110kV với tổng số km đường dây 110kV: 558,17 km.

2.1.5 Lưới điện trung, hạ áp

- Lưới điện trung áp: 5,677.62 km đường dây trung áp. Trong đó:
 - + Tài sản ngành điện: 5,501.67 km chiếm 97%.
 - + Tài sản khách hàng: 175,95 km chiếm 3%.
- Lưới điện hạ áp: 3.198 trạm biến áp phân phối, với tổng công suất là 399,663.5 kVA. Đường dây hạ áp có tổng chiều dài 5,454,53 km:

2.2. Công suất và sản lượng năm 2025

2.2.1 Công suất sử dụng cực đại

Pmax (MW)	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2025	243.3	241.3	226.4	210.8	191.0	175.2	173.3	178.3	200.2	236.0	267.9	272.8
2024	228.3	220.6	210.4	189.3	172.4	165.4	159.5	174.4	187.1	216.4	240.4	250.7
% tăng trưởng	107%	109%	108%	111%	111%	106%	109%	102%	107%	109%	111%	109%

2.2.2 Sản lượng ngày cực đại

A ngày max (MWh)	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2025	3083	3032	2976	2882	3168	2921	2920	3107	3159	2832	3159	3359
2024	2929	2626	2565	2864	2637	2544	2580	2726	2778	2732	2934	3053
% tăng trưởng	105%	115%	116%	101%	120%	115%	113%	114%	114%	104%	108%	110%

2.2.3 Sản lượng điện thương phẩm cả năm 2025

Năm	Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)
Năm 2025	919,01
Năm 2024	852,52
% tăng trưởng	8,39

3. DỰ BÁO NHU CẦU PHỤ TẢI NĂM 2026

3.1. Tình hình phát triển phụ tải lớn trên địa bàn

STT (1)	Tên khách hàng (2)	Công suất dự kiến đăng ký thêm (3)	Thời gian dự kiến vào vận hành (4)	TBA 110kV dự kiến cấp điện (5)	Về đảm bảo cấp điện (6)

3.2. Dự báo nhu cầu phụ tải 2026

Căn cứ vào:

- Phụ tải quá khứ, đặc điểm phụ tải quá khứ trong (giai đoạn 2020-2025).
- Dự báo tình hình khôi phục, phát triển kinh tế địa phương năm 2026.
- Căn cứ vào tình hình phát triển phụ tải mới trong năm 2026.

Công ty Điện lực Sơn La dự báo phụ tải các tháng trong năm 2026 như sau.

Tháng	Toàn tỉnh (bao gồm TBA 110kV của cả ngành điện và khách hàng)		Ngành điện (phụ tải được cấp chỉ từ các MBA 110kV của ngành điện, không tính các TBA khách hàng)	
	Pmax (MW)	Pmin (MW)	Pmax (MW)	Pmin (MW)
T01	268.4	70.2	263.4	69.2
T02	275.1	53.5	270.1	52.5
T03	263.9	60.1	258.9	56.1
T04	221.3	76.8	216.3	72.8
T05	198.7	72.2	193.7	68.2
T06	189.3	70.8	184.3	66.8
T07	183	61.1	178	57.1
T08	183.9	58.8	178.9	54.8
T09	213.3	69.8	208.3	65.8
T10	237.3	69.5	232.3	65.5
T11	275.7	70.4	270.7	66.4
T12	294.5	85.4	289.5	81.4

Năm 2026 phụ tải hệ thống điện tỉnh Sơn La dự báo công suất max (Pmax) đạt ~294.5 MW, so với Pmax năm 2025 tăng 7,9% hay ~ 21,7 MW (Pmax 2025 ước đạt 272,8 MW).

4. KẾT DÂY CƠ BẢN NĂM 2026.

4.1. Kết dây tại các trạm 110kV

Stt	TBA	MBA	Kết dây 110kV	Kết dây trung áp
1	E17.1 Mộc Châu	T1-40MVA T2-40 MVA	MC 171, 112, 131, 132 đóng MC 172, DCL 172-7 thường mở MBA T1 cấp điện C31, C32, C41 MBA T2 cấp điện C42	MC 431, 471, 473 đóng. MC 332, 312, 432, 372, 374, 376, 472, 474, 476, 478 đóng MC 412, 332 thường mở.

Stt	TBA	MBA	Kết dây 110kV	Kết dây trung áp
2	E17.2 Sơn La	T1- 40MVA T2- 40MVA	MC 171, 172, 173, 174, 112 đóng MC 131, 132 đóng MBA T1, T2 vận hành độc lập	MC 331, 431, 371, 373, 471, 473 đóng MC 332, 432, 372, 374, 376, 378, 474, 476, 478 đóng MC 312, 412 thường mở, dự phòng nóng
3	E17.3 Mường La	T1- 40MVA T2- 40MVA	MC 171, 172, 174, 112, 131, 132 đóng MBA T1, T2 vận hành độc lập	MC 331, 332, 631, 371, 375, 377, 379, 381, 383, 385, 376, 378, 312, 671, 673 đóng
4	E17.4 Thuận Châu	T1-25 MVA	MC 171, 172, 173, 131 đóng	MC 331, 371, 373, 375 đóng
5	E17.5 Phù Yên	T1- 16MVA T2- 25MVA	DCL 112-1 đóng MC 131, 132 đóng MBA T1&T2 vận hành độc lập	MC 331 cắt, MC 312, 371, 373, 375, 431, 471 đóng, MC 412 cắt. MC 332, 372 đóng.
6	E17.30 Sông Mã	T1- 25MVA	MC 131 đóng	MC 331, 371, 373, 375 đóng
7	E17.62 Mai Sơn	T1- 40MVA	MC 171, 131 đóng	MC 331, 371, 373, 375, 431, 471, 473 đóng
8	E17.66 Yên Châu	T1- 25MVA	MC 171, 172, 131 đóng	MC 331, 371, 373, 375 đóng
9	E17.67 Sơn La 2	T1- 25MVA	MC 171, 172, 131 đóng	MC 331, 371, 373 đóng

4.2. Kết dây cơ bản lưới trung áp tỉnh Sơn La

a. Trạm 110kV E17.1 (Mộc Châu)

- MBA T1, T2 115/38,5/23 kV - 40/40/40 MVA (MBA T1 cấp điện phụ tải C42. MBA T2 cấp điện phụ tải C31, C32, C41)

- Bao gồm các Đ/d 372, 374, 376 và 472, 474, 476, 478, 471, 473 cấp điện phường Mộc Châu, phường Mộc Sơn, phường Vân Sơn, phường Thảo Nguyên, xã Đoàn Kết, xã Chiềng Sơn, xã Lóng Sập xã Tân Yên xã Vân Hồ, xã Song Khủa, xã Tô Múa và xã Xuân Nha.

- Có 07 thủy điện nhỏ hòa lưới trung áp là A17.8 Suối Tân (2,5MW), A17.9 Mường Sang (2,4 MW), A17.32 Tà Niết (3,6MW), A17.40 Suối Tân 2 (4MW). A17.47 Sơ Vin 2,8MW, A17.53 Mường Sang 3 6,0 MW. A17.54 Xuân Nha 6,0MW

- Khu vực cấp điện và kết dây dự phòng trạm E17.1 Mộc Châu

Stt	Đ/d	Pmax (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
1	372	5,3	Cấp điện 1 phần (Phường Thảo Nguyên, phường Mộc Sơn, phường Mộc Châu). Cấp điện toàn bộ xã Lóng Sập, xã Chiềng Sơn, xã Xuân Nha	376 E17.1

Stt	Đ/d	Pmax (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
			Đầu nối TĐ Mường Sang, TĐ Mường Sang 3	
2	374	10,4	Cấp điện 1 phần (Phường Thảo Nguyên, phường Vân Sơn). Cấp điện toàn bộ xã Tô Múa, xã Song Khủa, xã Đoàn Kết Đầu nối TĐ Suối Tân 1, TĐ Suối Tân 2, TĐ Sơ Vin	371 E17.5 371 HB- SL E19.10
3	376	4,9	Cấp điện 1 phần (Phường Thảo Nguyên). Cấp điện toàn bộ phường Mộc Sơn, phường Mộc Châu Đầu nối TĐ Tà Niết	372 E17.1 373 E17.66
4	472	4,8	Cấp điện 1 phần (Phường Thảo Nguyên, xã Xuân Nha). Cấp điện toàn bộ phường Vân Sơn, xã Vân Hồ Đầu nối TĐ Xuân Nha	476 E17.1 TBA Trung Gian VH nhận điện từ đ/d 374 E17.1
5	474	6,2	Cấp điện toàn bộ phường Thảo Nguyên, phường Mộc Sơn, phường Mộc Châu	471 E17.1 473 E17.1 478 E17.1
6	476	6,6	Cấp điện 1 phần (Phường Thảo Nguyên, phường Vân Sơn). Cấp điện toàn bộ xã Tân Yên	472 E17.1
7	478	7,5	Cấp điện 1 phần (xã Vân Hồ). Cấp điện toàn bộ Phường Thảo Nguyên	471 E17.1 474 E17.1
8	471	3,2	Cấp điện 1 phần (Phường Vân Sơn). Cấp điện toàn bộ phường Thảo Nguyên, phường Mộc Sơn, phường Mộc Châu	473 E17.1 478 E17.1 474 E17.1
9	473	2,6	Cấp điện toàn bộ phường Thảo Nguyên, phường Mộc Sơn, phường Mộc Châu	471 E17.1 474 E17.1

b. Trạm 110kV E17.2 (Sơn La)

- MBA T1 - 115/38,5/23 kV - 40/40/40 MVA, MBA T2 - 115/38,5/23 kV - 40/40/40 MVA. (*T1, T2 vận hành độc lập*).
- MBA T1 cấp điện cho các Đ/d 371, 373 và 471, 473.
- MBA T2 cấp điện cho các Đ/d 374, 376, 378 và 474, 476, 478.
- Phụ tải cấp điện: Phường Tô Hiệu, phường Chiềng An, phường Chiềng Cơi, phường Chiềng Sinh các xã Chiềng Mung, Chiềng Mai, Phiêng Cầm.
- Có 01 thủy điện nhỏ hòa lưới trung áp là A17.17 Nậm Chanh với công suất đặt là (2×1,05) MW.
- Khu vực cấp điện và kết dây dự phòng trạm E17.2 Sơn La

Stt	Đ/d	Pmax (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
1	371	1,8	Cấp điện 1 phần phường Chiềng Sinh; phường Tô Hiệu, phường Chiềng An.	374 E17.2 Sơn La
2	373	12,7	Cấp điện 1 phần phường Chiềng Sinh, xã Chiềng Mung, Chiềng Mai, Phiêng Cầm.	375 E17.30 Sông Mã
3	374	4,0	Cấp điện một phần Phường Chiềng Sinh	371 E17.2 Sơn La , 375 E17.3 Mường La , 371 E17.67 Sơn La 2
4	376	0,7	Cấp điện một phần Phường Chiềng Sinh.	378 E17.2 Sơn La
5	378	11,3	Cấp điện 1 phần phường Chiềng Sinh. Khu CN Mai Sơn, xã Chiềng Mung.	373 E17.62 Mai Sơn 373 E17.2 Sơn La
6	471	2,8	Cấp điện 1 phần phường Chiềng Sinh, phường Tô Hiệu, phường Chiềng An.	475 E17.67, 473, 476 E17.2, 478 E17.2 Sơn La
7	473	8,1	Cấp điện 1 phần phường Chiềng Sinh, phường Tô Hiệu, phường Chiềng An, Phường Chiềng Cơi.	477 E17.67, 476 E17.2
8	474	2,0	Cấp điện 1 phần Phường Chiềng Sinh.	478 E17.2 Sơn La
9	476	5,6	Cấp điện 1 phần phường Tô Hiệu, 1 phần Phường Chiềng Sinh.	475 E17.67, 473 E17.2
10	478	1,8	Cấp điện 1 phần Phường Chiềng Sinh	471, 474 E17.2 Sơn La

c. Trạm 110kV E17.3 (Mường La)

- MBA T1 115/38,5/6,6kV-40/40/40 MVA; MBAT2 - 115/38,5/23 kV - 40/40/40 MVA. (T1, T2 vận hành độc lập).

- Bao gồm các Đ/d 371, 375, 377, 379, 381, 376, 378, 383, 385 & 673 cấp điện cho toàn bộ xã Mường La, xã Chiềng Hoa, Xã Mường Bú, Xã Chiềng Lao, Ngọc Chiến, 1 phần xã Mường Khiêng, xã Chế Tạo, Púng Luông tỉnh Lào Cai,.

- Có 06 thủy điện nhỏ hòa lưới trung áp là A17.19 Nậm Khót (2×5,5) MW, A17.43 Nậm Bú (2×3,6) MW, A17.48 Nậm Trai (2×6) MW, A17.51 Nậm Chiến 3 (2×1,55) MW, A17.61 Ngọc Chiến (2x6) MW, A17.59 Chiềng Muôn (2x6,6) MW với tổng công suất đặt là 57,3 MW.

- Khu vực cấp điện và kết dây dự phòng trạm E17.3 Mường La

Stt	Đ/d	Pmax (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
1	371	2,2	Cấp điện một phần xã Mường La, xã Chiềng Hoa. Đầu nối TĐ Chiềng Muôn, TĐ Nậm Chiến 3	375 E17.3 Mường La 375 E17.62

Stt	Đ/d	Pmax (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
2	375	5,3	Cấp điện xã Mường Bú, xã Mường Khiêng.	371 E17.62 Mai Sơn, 371 E17.2 Sơn La , 371 E17.3 Mường La 375 E17.4 Thuận Châu
3	377	3,8	Cấp điện một phần xã Mường La, xã Chiềng Lao tỉnh Sơn La, xã Chế Tạo tỉnh Lào Cai.	379, 381 E17.3 Mường La 375 E17.4 Thuận Châu
4	379	1,6	Cấp điện xã Chiềng Lao, Ngọc Chiến, Mường La tỉnh Sơn La; xã Púng Luông tỉnh Lào Cai.	377 E17.3 Mường La 376 E29.2 Than Uyên
5	381	0,4	Cấp điện khu vực hạ lưu thủy điện Huội Quảng, 1 phần xã Chiềng Lao	377 E17.3 Mường La 376 E29.2 Than Uyên
6	376	5,5	Đầu nối thủy điện Nậm Khót	378 E17.3 Mường La
7	378	5,5	Đầu nối thủy điện Nậm Khót	376 E17.3 Mường La
8	383	6	Đầu nối thủy điện Ngọc Chiến	385 E17.3 Mường La
9	385	6	Đầu nối thủy điện Ngọc Chiến	383 E17.3 Mường La
10	673	0,1	Cấp điện nhà điều hành Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, nguồn TD dự phòng TĐSL	

d. Trạm 110kV E17.4 (Thuận Châu)

- MBA T1 E17.4: 115/38,5/23 kV -16/16/16 MVA.

- Bao gồm các Đ/d 371, 373, 375 cấp điện cho xã Thuận Châu, Chiềng La, Nậm Lầu, Muối Nội, Bình Thuận, Mường Khiêng, Mường É, Co Mạ, Long Hẹ, Mường Bám, Quỳnh Nhai, Mường Chiên, Mường Giôn, Mường Sại và xã Chiềng Lao.

- Có 02 Thủy điện nhỏ đầu vào lưới trung áp là TĐ Chiềng Ngâm Thượng (11MW), Chiềng Ngâm (2,0MW).

- Khu vực cấp điện và kết dây dự phòng trạm E17.4 Thuận Châu

Stt	Đ/d	Pmax (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
1	371	2,8	Cấp điện xã Co Mạ, Mường Bám, Long Hẹ, 1 phần xã Thuận Châu	373 E17.30 Sông Mã 375 E17.4 Thuận Châu
2	373	7,5	Cấp điện một phần xã Thuận Châu, xã Bình Thuận, xã Mường É, 1 phần xã Quỳnh Nhai	371, 375 E17.4 Thuận Châu
3	375	11,8	Cấp điện một phần xã Thuận Châu, Nậm Lầu, Chiềng La, 1 phần xã Quỳnh Nhai, Mường Sại, Mường Giôn, Mường Chiên.	371, 373 E17.4 Thuận Châu 373 E17.67 Sơn La 2 377 E17.4
4	377	2,7	Cấp điện TT xã Thuận Châu	375 E17.4

e. Trạm 110kV E17.5 (Phù Yên)

- MBA T1, T2 E17.5: 115/38,5/23 kV –2x16/16/16 MVA (T1, T2 vận hành song song).

- Bao gồm các Đ/d 471, 371, 373, 375 cấp điện cho xã Phù Yên, Tường Hạ, Suối Tọ, Kim Bon, Mường Bang, Tân Phong, Mường Cói, Gia Phù, Bắc Yên, Tà Xùa, Pắc Ngà, Xím Vàng, Chiềng Sại, Tạ Khoa.

- Có 02 Thủy điện nhỏ đầu vào lưới trung áp là TĐ Suối Sập 2 (14,4MW), Suối Sập 3 (14MW).

- Khu vực cấp điện và kết dây dự phòng trạm E17.5 Phù Yên

Stt	Đ/d	Pmax (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
1	371	6,0	Cấp điện 1 phần xã Gia Phù, Tường Hạ, Tân Phong, Kim Bon, Chiềng Sại, 1 phần xã Bắc Yên.	374 E17.1 Mộc Châu, 375 E17.5 Phù Yên 375 E17.66 Yên Châu
2	373	9,5	Cấp điện một xã Gia Phù, xã Bắc Yên, Tà Xùa, Pắc Ngà, Xím Vàng, Chiềng Sại, Tạ Khoa.	372 E17.5 Phù Yên. 373 E17.2 Sơn La.
3	375	9,4	Cấp điện các xã Tường Phù, Tường Hạ, Suối Tọ, Kim Bon, Mường Bang, Tân Phong, Mường Cói.	371 E17.5 Phù Yên.
4	471	5,0	Cấp điện cho xã Phù Yên	
5	372	14,4	Đầu nối thủy điện Suối Sập 2	373 E17.5 Phù Yên.

f. Trạm 110kV E17.30 (Sông Mã)

- MBA T1 E17.30: 115/38.5/6.6 kV –25/25/25 MVA.

- Bao gồm các Đ/d 371, 373, 375 cấp điện cho các xã Sông Mã, Chiềng Khương, Mường Hung, Chiềng Khoong, Huổi Một, Nậm Ty, Chiềng Sơ, Mường Lầm, Bó Sinh, Sốp Cộp, Mường Lạn, Mường Lèo, Púng Bánh.

- Có 04 Thủy điện nhỏ đầu vào lưới trung áp là TĐ Nậm Công 3 (8MW), Keo Bắc (1,8MW), Nậm Công 5 (4 MW), Nậm Công 3A (4,5 MW),

- Khu vực cấp điện và kết dây dự phòng trạm E17.30 Sông Mã

Stt	Đ/d	Pmax (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
1	371	7,5	Cấp điện cho toàn xã Sốp Cộp, Mường Lèo, Púng Bánh, Mường Lạn	373 E17.30 Sông Mã
2	373	13,1	Cấp điện một phần xã Sông Mã, Huổi Một, Chiềng Sơ, Nậm Ty, Mường Lầm, Bó Sinh	371, 375 E17.30 Sông Mã
3	375	9,7	Cấp điện cho xã Chiềng Khương, Chiềng Khoong, Mường Hung và 1 phần của xã Sông Mã và xã Huổi Một.	373 E17.30 Sông Mã 373 E17.2 Sơn La

g. Trạm 110kV E17.62 (Mai Sơn)

- MBA T1 E17.62: 115/38,5/23 kV–40/40/40 MVA.

- Bao gồm các Đ/d 371, 373, 375, 471, 473 cấp điện cho xã Mai Sơn, Chiềng Mai, Phiêng Pằn, Chiềng Mung, Phiêng Cầm, Mường Chanh, Tà Hộc, Chiềng Sung.

- Khu vực cấp điện và kết dây dự phòng trạm E17.62 Mai Sơn

Stt	Đ/d	Pmax (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
1	371	2,1	Cấp điện cho xã Chiềng sung	375 E17.3 Mường La 373, 375 E17.62 Mai Sơn
2	373	4,6	Cấp điện 1 phần Xã Mai Sơn, xã Chiềng Mung.	373 , 376 378 E17.2 Sơn La 371 E17.62 Mai Sơn 375 E17.62 Mai Sơn
3	375	13,8	Cấp điện cho xã Mai Sơn, xã Tà Hộc, Xã Pắc Ngà	371 E17.66 Yên Châu 371, 373 E17.62 Mai Sơn
4	379	0,6	Cấp điện NM Phân Bón Sông Lam	371 E17.62
5	471	1,9	Cấp điện cho trung tâm Xã Mai Sơn	473 E17.62 Mai Sơn, 471 TG MS
9	473	1,3	Cấp điện cho trung tâm Xã Mai Sơn	471 E17.62 Mai Sơn, 471 TG MS

g. Trạm 110kV E17.66 (Yên Châu)

- MBA T1 E17.66: 115/38,5/23 kV–25/25/12 MVA.

- Bao gồm các Đ/d 371, 373, 375 cấp điện cho xã Yên Châu, Chiềng Hặc, Lóng Phiêng, Yên Sơn, Phiêng Khoài.

- Khu vực cấp điện và kết dây dự phòng trạm E17.66 Yên Châu

Stt	Đ/d	Pmax (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
1	371	8,0	Cấp điện cho trung tâm xã Yên Châu; xã Yên Sơn	375 E17.62 Mai Sơn 373 E17.66 Yên Châu 373 E17.2 Sơn La
2	373	6,1	Cấp điện cho các xã Yên Châu, các xã Chiềng Hặc, Phiêng Khoài, Lóng Phiêng.	373 E17.66 Yên Châu 376 E17.1 Mộc Châu
3	375	0,6	Cấp điện cho một phần xã Yên Châu; xã Chiềng Sại.	371 E17.5 Phù Yên

g. Trạm 110kV E17.67 (Sơn La 2)

- MBA T1 E17.67: 115/38,5/23 kV–25/25/25 MVA.

- Bao gồm các Đ/d 371, 373, 475, 477 cấp điện cho 1 phần phường Tô Hiệu, Chiềng Sinh, xã Chiềng Đen, Chiềng Cơi, Chiềng An.

- Khu vực cấp điện và kết dây dự phòng trạm E17.67 Sơn La 2

Stt	Đ/d	P _{max} (MW)	Khu vực cấp điện	Nguồn dự phòng
1	371	0,7	Cấp điện cho phường Tô Hiệu, Chiềng Sinh, 1 phần xã Chiềng Cọ, Chiềng Cỏi, Chiềng An.	373 E17.67 Sơn La 2 374 E17.2 Sơn La
2	373	5,0	Cấp điện cho xã Chiềng Đen, Chiềng An, xã Muối Nọi, 1 phần xã Thuận Châu.	371 E17.67 Sơn La 2 375 E17.4 Thuận Châu
3	475	5,3	Cấp điện 1 phần phường Tô Hiệu	476 E17.2, 471 E17.2, 477 E17.67
4	477	3,2	Cấp điện 1 phần phường Tô Hiệu, Quyết Thắng	473 E17.2, 475 E17.67

h. Trạm TG Mai Sơn

MBA T1: 3200 kVA, 35/22 kV bao gồm Đ/D 471 là nguồn điện dự phòng cho trung tâm xã Mai Sơn.

k. Trạm TG Vân Hồ:

MBAT2: 3200 kVA, 35/22kV hiện tại đang dự phòng cho đ/d 472 E17.1

4.3. Liên kết đường dây 35kV mạch vòng liên tỉnh

- Đ/d 374 E17.1 Mộc Châu - 373E19.10 Hòa Bình: DCL 374-7/1 LL 373HB cắt, vị trí có 02 nguồn đến;

- Mạch vòng Đ/d 381 E17.3 Mường La - 376E29.2 Than Uyên: DCL 381-7/150 cắt, vị trí có 02 nguồn đến;

- Mạch vòng Đ/d 375E17.4 Thuận Châu - 371E21.1 Tuần Giáo: DCL 371-7/15 cắt, vị trí có 02 nguồn đến.

4.4. Liên kết mạch vòng trung áp nội tỉnh

**** Trạm E17.1 Mộc Châu***

- Liên kết mạch vòng với các trạm 110kV khác.

+ Đ/d 374 trạm E17.1 Mộc Châu - Đ/d 371 trạm E17.5 Phù Yên, điểm mở vòng tại trạm cắt 371/1 Vạn Yên.

+ Đ/d 376 trạm E17.1 Mộc Châu – Đ/d 373 trạm E17.66 Yên Châu, điểm mở vòng tại DCL 373-7/121 Tà Làng.

- Liên kết mạch vòng nội bộ trạm:

+ Đ/d 372-376, điểm mở vòng CDPT 376-7/37A/1 Tự Nhiên, CDPT 372-7/4A/1 Tiểu khu 77.

+ Đ/d 471-473, điểm mở vòng LBS 473-7/191 TK14.

+ Đ/d 471-478, điểm mở vòng CDPT 471-7/11/14 Chè MC.

- + Đ/d 471-474, điểm mở vòng CDPT 471-7/42/1 Công Đoàn.
- + Đ/d 473-474, điểm mở vòng LBS 473-7/119/2 Bản Mòn.
- + Đ/d 474-478, điểm mở vòng TC 478/19A/1 Đội 70.
- + Đ/d 472-476, điểm mở vòng CDPT 472-7/5/1 TK Chè Đen.
- + Đ/d 472-472 TG Vân Hồ, điểm mở vòng DCL 431-3 TG Vân Hồ.

* Trạm E17.2 Sơn La

- Liên kết mạch vòng với các trạm 110kV khác.
- + Đ/d 371 trạm E17.2 Sơn La – 375 E17.3 Mường La, điểm mở vòng tại trạm cắt 375/108 Mường Bú.
- + Đ/d 373 trạm E17.2 Sơn La – 375 trạm E17.30 Sông Mã, điểm mở vòng tại CDPT 375-7/361 Nà Un.
- + Đ/d 374 trạm E17.2 Sơn La – 375 trạm E17.67 Sơn La 2, điểm mở vòng tại trạm cắt 374/53 Quyết Thắng.
- + Đ/d 378 trạm E17.2 Sơn La – Đ/d 373 trạm E17.62 Mai Sơn, điểm mở vòng tại CDPT 373-7/80 TK10.
- + Đ/d 471 - 476 E17.2: LBS 471-7/146/2 Bó Phứa và CDPT 471-7/109/7 TT Thề Thao cắt mở vòng.
- + Đ/d 471 - 475 E17.67: MC 471/178 NB Bản Cọ cắt.
- + Đ/d 473 - 477 E17.67: LBS 473-7/142 Giảng Lắc & LBS 473-7/71/34 Bản Nam & LBS 473-7/12/1 Bản Là cắt.
- + Đ/d 476 - 475 E17.67: LBS 476-7/180 Đô Thị.
- Liên kết mạch vòng nội bộ trạm:
- + Đ/d 371 - 375 E17.3 Mường La: MC 375/108 Mường Bú và DCL 2 phía cắt.
- + Đ/d 373 - 375 E17.30 Sông Mã: CDPT 375-7/361 Nà Un cắt.
- + Đ/d 373 - 374: LBS 374-7/14/47 Trại Bò cắt.
- + Đ/d 373 - 378: DCL 382-7/10 Trại Bò & LBS 382-7/40 Bản Răm cắt.
- + Đ/d 374 - 371 E17.67 Sơn La 2: LBS 374-7/16 Nà Cạn cắt.
- + Đ/d 378 - 373 E17.62: DCL 378-7/77/58 Tàn Pầu cắt.
- + Đ/d 471 - 478 E17.2: LBS 471-7/40 LL cắt.
- + Đ/d 473 - 476: LBS 473-7/31 Liên Lạc, LBS 473-7/111 Liên Lạc cắt. LBS 473-7/135 Liên Lạc cắt
- + Đ/d 474 ↔ 478: LBS 474-7/29 Liên Lạc, LBS 474-7/77 Đăng Kiềm cắt.

* Trạm E17.3 Mường La

- Liên kết mạch vòng với các trạm 110kV khác.

+ Đ/d 371 E17.3 – 375 E17.62 Mai Sơn, điểm mở vòng tại DCL 371-7/193 Hin Phá.

+ Đ/d 375 trạm E17.3 Mường La - Đ/d 371 E17.62 Mai Sơn, điểm mở vòng tại TC 375/129 Bản Pàn; Đ/d 371 E17.2 Sơn La, mở vòng tại TC 375/108 Mường Bú.

+ Đ/d 375 E17.3 – 375 E17.4: điểm mở vòng tại DCL 375-7/132/30, LBS 375-7/132/30 Nhà Sành.

+ Đ/d 377 E17.3 – 375 E17.4: Điểm mở vòng tại DCL 377-1/306, MC 377/306 Huổi Nụ.

+ Đ/d 381 trạm E17.3 Mường La – Đ/d 376 E29.2 Than Uyên, điểm mở vòng tại DCL 381-7/150 T10.

- Liên kết mạch vòng nội bộ trạm:

+ Đ/d 371-375, điểm mở vòng DCL 375-7/6/1 Bến Xe.

+ Đ/d 377-379, điểm mở vòng DCL 377-7/33/6B Nậm Păm.

+ Đ/d 377-381, điểm mở vòng CDPT 377-7/88 Bản Lúa.

+ Đ/d 379-381, các điểm mở vòng: DCL 312-1 (A17.48 Nậm Trai), CDPT 381-7/101/4 Huổi Quảng.

** Trạm E17.4 Thuận Châu*

- Liên kết mạch vòng với các trạm 110kV khác.

+ Đ/d 371 trạm E17.4 Thuận Châu – Đ/d 373 trạm E17.30 Sông Mã, điểm mở vòng tại DCL 373-7/337 Chiềng Phung.

+ Đ/d 375 trạm E17.4 Thuận Châu - Đ/d 373 E17.67 Sơn La 2, điểm mở vòng tại MC 375/3 Bản Bai, LBS 374-1/34/54 Bản Bay.

+ Đ/d 375 trạm E17.4 Thuận Châu - Đ/d 371 E21.1 Tuần Giáo, điểm mở vòng DCL 371-7/15 LL 375 E17.4.

- Liên kết mạch vòng nội bộ trạm:

+ Đ/d 371-375, các điểm mở vòng: DCL 375-7/24/1 Bản Pán, LBS 371-7/41A/9 Bản Nhộp.

+ Đ/d 373-375, các điểm mở vòng: DCL 375-7/7/1 Chiềng Ly, LBS 373-7/239 Huổi của.

+ Đ/d 377 – 375 E17.4: Điểm mở vòng tại LBS 377-7/78/1 Liên Lạc 375.

** Trạm E17.5 Phù Yên*

- Liên kết mạch vòng với các trạm 110kV khác.

+ Đ/d 371 trạm E17.5 Phù Yên - Đ/d 374 trạm E17.1 Mộc Châu, Đ/d 375 trạm E17.66 Yên Châu; các điểm mở vòng MC 371/1 Vạn Yên, CDPT 371-7/310 Bãi Sại.

+ Đ/d 373 trạm E17.5 Phù Yên - Đ/d 375 trạm E17.62 Mai Sơn, điểm mở vòng tại DCL 375-7/154/60 Đèo Chén.

- Liên kết mạch vòng nội bộ trạm:

+ Đ/d 371-375, các điểm mở vòng: MC 375/61/4 Huy Hạ, MC 375/222 Nà Xe.

+ Đ/d 373-372, điểm mở vòng CDPT 373-7/85/1 Cầu Suối Sập.

** Trạm E17.30 Sông Mã*

- Liên kết mạch vòng với các trạm 110kV khác.

+ Đ/d 373 E17.30 Sông Mã – Đ/d 371 E17.4 Thuận Châu, điểm mở vòng tại DCL 373-7/337 Chiềng Phung; Đ/d 373 A17.14 Nậm Công 4, điểm mở vòng MC 373 A17.14 Nậm Công 4 & DCL 2 phía cắt.

+ Đ/d 375 E17.30 Sông Mã – Đ/d 373 trạm E17.2 Sơn La, điểm mở vòng CDPT 375-7/361 Nà Un.

- Liên kết mạch vòng nội bộ trạm:

+ Đ/d 371-373, điểm mở vòng LBS 373-7/52/85 Hin Pén.

+ Đ/d 373-375, điểm mở vòng CDPT 373-7/79/3 Quyết Thắng.

** Trạm E17.62 Mai Sơn*

- Liên kết mạch vòng với các trạm 110kV khác.

- Đ/d 371 trạm E17.62 Mai Sơn – Đ/d 375 trạm E17.3 Mường La, điểm mở vòng tại trạm cắt 375/129 Bản Pàn, CDPT 375-7/129 Bản Pàn.

- Đ/d 373 trạm E17.62 Mai Sơn – Đ/d 378 trạm E17.2 Sơn La, các điểm mở vòng tại CDPT 373-7/80 TK10, DCL 373-7/77/58 Tản Pâu.

- Đ/d 375 trạm E17.62 Mai Sơn – Đ/d 373 trạm E17.5 Phù Yên, điểm mở vòng tại DCL 375-7/154/60 Đèo Chén; Đ/d 371 E17.66 Yên Châu, điểm mở vòng tại LBS 371-7/148 Huổi Phù & LBS 375-7/73/10 Phú Lương; Đ/d 373 trạm E17.2 Sơn La mở vòng tại LBS 382-7/123/1 Bản Bít.

- Liên kết mạch vòng nội bộ trạm:

+ Đ/d 371-373, điểm mở vòng LBS 371-7/5 Liên Lạc.

+ Đ/d 373-375, điểm mở vòng LBS 373-7/55 Liên Lạc.

** Trạm E17.66 Yên Châu*

- Liên kết mạch vòng với các trạm 110kV khác.

- Đ/d 371 trạm E17.66 Yên Châu – Đ/d 376 E17.1 Mộc Châu, điểm mở vòng tại DCL 373-7/121 Tà Làng

- Đ/d 373 trạm E17.66 Yên Châu – Đ/d 375 E17.62 Mai Sơn, điểm mở vòng tại LBS 371-7/148 Huổi Phù.

- Đ/d 375 trạm E17.66 Yên Châu – Đ/d 371 E17.5 Phù Yên, điểm mở vòng tại CDPT 371-7/310 Bãi Sại.

- Liên kết mạch vòng nội bộ trạm:

+ Đ/d 371-373, điểm mở vòng CDPT 373-7/16/1 Thín Khá. LBS 373-7/113/152 Con Khảm cắt.

** Trạm E17.67 Sơn La 2*

- Liên kết mạch vòng với các trạm 110kV khác:

+ Đường dây 371 trạm E17.67 Sơn La 2 - đường dây 374 trạm E17.2 Sơn La, điểm mở vòng tại MC 374/53 Quyết Thắng;

+ Đường dây 373 trạm E17.67 Sơn La 2 - đường dây 375 trạm E17.4 Thuận Châu, điểm mở vòng tại MC 375/3 Bản Bai, LBS 373-7/36/55 Bản Bay;

- Liên kết mạch vòng nội bộ trạm:

+ Đường dây 371-373, điểm mở vòng DCL 371-7/7/1 Bản Hìn;

5. KẾ HOẠCH CUNG ỨNG ĐIỆN NĂM 2026 TRÊN LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI CÔNG TY ĐIỆN LỰC SƠN LA TRONG TRƯỜNG HỢP HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA THIẾU NGUỒN HOẶC VẬN HÀNH TRONG CHẾ ĐỘ CỰC KỲ KHẨN CẤP

5.1 Nguyên tắc chung

Mọi tổ chức, cá nhân sử dụng điện trên địa bàn tỉnh đều phải thực hiện nghiêm Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 08/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo;

- Ưu tiên cấp điện cho khách hàng sử dụng điện quan trọng được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo Quy định tại Thông tư số 46/2025/TT-BCT ngày 06/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

- Ưu tiên cấp điện cho các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng và các sự kiện, nội dung khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh; Chỉ thực hiện tiết giảm các loại phụ tải này trong trường hợp quy mô thiếu nguồn quá lớn vượt quá khả năng điều tiết của Công ty Điện lực Sơn La.

- Phương án được thực hiện đảm bảo luân phiên, công bằng, không tiết giảm điện kéo dài đối với một khu vực hoặc một phụ tải điện, đáp ứng hợp lý nhu cầu điện cho sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

- Phương án này được lập trên một nguyên tắc chung và sẽ được cụ thể hóa trong các phương án điều chỉnh, tiết giảm phụ tải theo kế hoạch vận hành tháng, tuần, ngày của Công ty điện lực Sơn La.

5.2. Phân nhóm thành phần phụ tải

Căn cứ theo đặc điểm, tính chất và nhu cầu sử dụng của các phụ tải trên địa bàn tỉnh, để có phương án cung ứng điện hợp lý cho đối tượng sử dụng điện, thực hiện phân loại thành các nhóm phụ tải như sau:

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026 (MW)	Chiếm tỉ lệ %
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9	9.0%
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2		
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3	46.5%
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21	10.6%
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lê, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9	3.5%
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9	15.0%
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	15.5%
	Tổng		198.7	

5.3. Lập và thực hiện điều hòa phụ tải

Trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện, Công ty Điện lực Sơn La xây dựng chương trình điều hòa phụ tải theo quy định tại Thông tư số 46/2025/TT-BCT ngày 06/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Thực hiện các biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng của việc tiết giảm điện tới hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân, cụ thể như sau:

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện và quản lý nhu cầu phụ tải điện;
- Thoả thuận với khách hàng sử dụng điện có nguồn điện dự phòng tại chỗ để khai thác các nguồn điện này khi xảy ra thiếu điện;

Kế hoạch thực hiện chương trình điều chỉnh phụ tải (DR) và dịch chuyển phụ tải điện (DCPT) năm 2026 đã được công ty lập và báo cáo Sở Công thương Sơn La theo CV số 3415/PCSL-KD ngày 14/11/2025.

- Thỏa thuận với các khách hàng công nghiệp - xây dựng về phương thức tiết giảm điện luân phiên khi hệ thống thiếu điện năng hoặc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh để giảm công suất tiêu thụ điện tại các giờ cao điểm khi hệ thống thiếu công suất; bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, xây dựng và thực hiện các phương án giảm nhu cầu sử dụng điện phù hợp với khả năng cung ứng điện.

- Rà soát hệ thống đo xa, cập nhật các khách hàng trên lên phần mềm DRMS.

- Thực hiện sự kiện trên chương trình DRMS khi có yêu cầu từ cấp trên.

5.4. Lập và thực hiện kế hoạch tiết giảm điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu công suất theo quy định tại Thông tư số 46/2025/TT-BCT ngày 06/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

5.4.1. Lập kế hoạch tiết giảm điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất (thiếu hụt ở các mức 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% công suất) năm 2026

Sau khi thực hiện hết các biện pháp điều chỉnh phụ tải, công suất phụ tải toàn tỉnh vẫn có nguy cơ vượt mức phân bổ của Tổng Công ty điện lực miền Bắc, Công ty Điện lực Sơn La sẽ tiết giảm phụ tải theo các kế hoạch được lập dưới đây.

Kế hoạch này xây dựng kế hoạch tiết giảm điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất (thiếu hụt ở mức 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% công suất) so với nhu cầu công suất sử dụng của cả tỉnh Sơn La năm 2026.

a - Các ngày trong năm (mức thiếu hụt đến 5% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		198.7	188.8	9.94	
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9			Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3			
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21.0			
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lề, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9			
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9			
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phân đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	20.8	9.94	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

b - Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 5% đến 10% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		198.7	178.8	19.87	

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9			Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3			
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21.0			
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lề, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9			
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9	25.4	4.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

STT	Nội dung	Tên nhóm	Công suất			Thời gian cung cấp điện
			Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	
			(MW)	(MW)	(MW)	
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	15.4	15.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

c - Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 10% đến 15% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		198.7	168.9	29.81	
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9			Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3			
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21.0			

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lề, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9			
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9	15.4	14.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lẫn vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	15.4	15.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

d - Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 15% đến 20% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		198.7	159.0	39.74	
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9			Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3			
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21.0	15.0	6.0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lề, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9	3.5	3.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9	15.0	15.0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	15.4	15.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

e - Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 20% đến 25% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		198.7	149.0	49.68	
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9			Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3	86.9	5.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21.0	10.5	10.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lề, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9	3.5	3.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9	15.0	15.0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	15.4	15.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

f - Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 25% đến 30% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		198.7	139.1	59.61	
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9			Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3	76.9	15.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21.0	10.5	10.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lề, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9	3.5	3.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9	15.0	15.0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	15.4	15.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

g - Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 30% đến 35% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		198.7	129.2	69.55	
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9			Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3	67.0	25.3	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21.0	10.5	10.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lề, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9	3.5	3.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9	15.0	15.0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	15.4	15.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

h - Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 35% đến 40% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		198.7	119.2	79.48	
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9			Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3	57.1	35.2	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21.0	10.5	10.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lề, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9	3.5	3.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9	15.0	15.0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	15.4	15.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

j - Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 40% đến 45% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		198.7	109.3	89.42	
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9			Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3	47.1	45.2	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21.0	10.5	10.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lề, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9	3.5	3.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9	15.0	15.0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	15.4	15.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

k - Các ngày trong năm (mức thiếu hụt trên 45% đến 50% công suất so với nhu cầu sử dụng):

STT	Nội dung	Tên nhóm	Pmax dự kiến hè 2026	Công suất lớn nhất phân bổ	Công suất thiếu hụt	Thời gian cung cấp điện
			(MW)	(MW)	(MW)	
	Tổng		198.7	99.4	99.3 5	
1	Phụ tải quan trọng	1	17.9			Không tiết giảm
2	Phụ tải sinh hoạt và các phụ tải sản xuất, kinh doanh dịch vụ được cấp điện chung đường dây trung áp với phụ tải sinh hoạt	2	-			
2.1	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2a	92.3	46.2	46.2	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.2	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1	2b	21.0	10.5	10.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.3	Phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho khu vực Phường Tô Hiệu, Chiềng Lè, Chiềng An, Chiềng Sinh	2c	6.9	3.5	3.5	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.4	Nhóm các phụ tải sử dụng điện cho mục đích sản xuất.	2d	29.9	15.0	15.0	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày
2.5	Nhóm các phụ tải được cấp điện sau các trạm biến áp công cộng ngành điện và sau các trạm biến áp chuyên dùng khách hàng không lần vào phần đường dây cấp điện cho phụ tải nhóm 1 và cấp điện cho: khu vực các xã, phường tỉnh Sơn La	2e	30.7	15.4	15.4	Tiết giảm luân phiên, 2 Ngày tiết giảm 1 ngày

5.4.2. Lập và thực hiện kế hoạch tiết giảm công suất tại địa phương cho tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh kế hoạch tiết giảm công suất tuần W+1.

- Trường hợp hệ thống điện quốc gia thiếu công suất, căn cứ căn cứ kế hoạch phân bổ công suất của Tổng công ty điện lực miền Bắc và căn cứ kế hoạch tiết giảm điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất (thiếu hụt ở mức tải 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% công suất) năm 2026 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trước 16h00 ngày thứ sáu tuần W (tuần hiện tại), Công ty Điện lực Sơn La có trách nhiệm hoàn thành kế hoạch tiết giảm công suất cho tuần W+2 và cập nhật, điều chỉnh kế hoạch tiết giảm công suất tuần W+1, báo cáo Sở Công Thương để theo dõi và giám sát thực hiện.

5.5. Xây dựng kế hoạch tiết giảm điện khi hệ thống điện quốc gia vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp.

Đây là kế hoạch để Công ty Điện lực Sơn La căn cứ thực hiện trong trường hợp hệ thống điện Quốc gia vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp (được quy định tại Thông tư số 06/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia;), khi có lệnh sa thải phụ tải từ Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia/miền Bắc (A0/A1) với các mức công suất được quy định tại văn bản 2939/EVN-KTSX+KD ngày 01/06/2023 và 2496/EVNNPC-KT ngày 02/06/2023.

Nguyên tắc lập kế hoạch sa thải phụ tải trong trường hợp cực kỳ khẩn cấp:

- Kế hoạch được lập phải chỉ rõ các điểm cắt trong từng mức công suất để thực hiện, và ưu tiên thực hiện từ các thiết bị thao tác xa từ hệ thống SCADA do mức độ khẩn cấp.

- Luân phiên để đảm bảo hạn chế việc sa thải 1 vùng phụ tải trong thời gian dài đối với các trường hợp thường xuyên nhận được lệnh sa thải của A0/A1 hoặc các trường hợp A0/A1 lệnh sa thải với thời gian dài. *(chi tiết theo phụ lục 1 gửi kèm)*

- Trường hợp thực hiện sa thải phụ tải trong chế độ cực kỳ khẩn cấp diễn ra trong nhiều ngày liên tiếp hoặc kéo dài nhiều giờ trong 1 ngày, phương án sa thải thực hiện theo kịch bản điều tiết cung ứng điện trong trường hợp xảy ra tình trạng thiếu công suất ở mức 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% công suất đã nêu tại mục 5.4.

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1. Công ty Điện lực Sơn La

- Phổ biến cho các cán bộ nhân viên liên quan trong đơn vị nắm bắt được đầy đủ nội dung phương án và nghiêm túc thực hiện.

- Chỉ huy thao tác (không chậm trễ) khi có lệnh của Trung tâm điều độ Hệ thống Điện miền Bắc, yêu cầu của Tổng công ty Điện lực miền Bắc.

- Thường xuyên theo dõi phụ tải, thực hiện Thông báo cho các Khách hàng sử dụng điện khi thực hiện điều tiết công suất trong trường hợp xảy ra thiếu công suất phải ngừng giảm cung cấp điện theo các kinh bản thiếu hụt 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, 40%, 45%, 50% so với công suất sử dụng của đơn vị.

- Lên kế hoạch tổ chức làm việc với các khách hàng thuộc nhóm sản xuất công nghiệp thuộc danh sách phải cắt giảm trong các trường hợp phải cắt giảm công suất đề nghị: i) Chuẩn bị kế hoạch sản xuất phù hợp trong năm 2026, tránh sử dụng công suất lớn vào các tháng mùa hè (từ cuối tháng 5 đến hết tháng 8), đặc biệt là các khung giờ cao điểm trưa từ 12h00 phút đến 15h00 phút và khung giờ cao điểm tối từ 21h00 phút đến 23h00 phút hàng ngày).

- Chỉ đạo các Đội quản lý Điện lực Khu vực trực tiếp làm việc với các khách hàng sản xuất có trạm chuyên dùng, khách hàng có công suất sử dụng điện lớn để ký cam kết phối hợp thực hiện tiết giảm công suất, sản lượng điện khi hệ thống thiếu nguồn và phải thực hiện tiết giảm.

- Báo cáo tình hình cung ứng điện trên địa bàn với Sở Công thương về khả năng phải tiết giảm công suất sử dụng điện trong các tháng mùa hè. Phối hợp với các cơ quan Báo, Đài công tác tuyên truyền tiết kiệm điện, hướng dẫn sử dụng điện an toàn, hiệu quả tiết kiệm.

6.2. Sở Công thương.

- Giám sát việc thực hiện ngừng, giảm mức cung cấp điện theo phương án cung ứng điện năm 2026 trên địa bàn tỉnh Sơn La khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn hoặc vận hành ở chế độ khẩn cấp đã được phê duyệt. Phối hợp với Công ty Điện lực Sơn La trong công tác tuyên truyền, kiểm tra các khách hàng sử dụng điện việc tuân thủ các quy định của pháp luật về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.

PHỤ LỤC 1**Danh sách khách hàng sử dụng điện thuộc diện ưu tiên cấp điện trên địa bàn tỉnh năm 2026**

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàngkhông lắp 3 giá			
TỔNG TOÀN TỈNH			2,623	1,696	1,642	17,860			
I	1	PHƯỜNG CHIỀNG CỎI	0	0	0	2,884			
1	1	Văn Phòng HĐND - UBND phường Chiềng Cỏi, tỉnh Sơn La				45	Xã Cỏi 2/ 250KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2 phường Chiềng Cỏi
2	2	Văn Phòng Tỉnh Ủy Sơn La. (Các phòng Ban)				435	Văn phòng tỉnh ủy / 500KVA	Lộ 477 E17.67	Điều hòa tổng - Tổ 7, Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La
3	3	Văn Phòng Tỉnh Ủy Sơn La. (Hội trường)				365	Hội trường tỉnh Ủy / 500KVA	Lộ 477 E17.67	Điều hòa tổng - Tổ 7, Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La
4	4	Trung Tâm Hành chính tỉnh Sơn La. (mua điện qua Công ty trách nhiệm hữu hạn BLT Sơn La)				559	T1 /750 KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2 phường Chiềng Cỏi
						556	T2 / 750 KVA	Lộ 477 E17.67	
						709	T3 / 1000KVA	Lộ 477 E17.67	
5	5	Trung tâm hành chính công tỉnh Sơn La				36	Nà cồng /400KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2 phường Chiềng Cỏi

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
	6	Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Sơn La				15	Nà còng /400KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2 phường Chiềng Cơi
6	7	Bệnh viện ĐK cuộc sống				570	BV đa khoa quốc sống / 630KVA	Lộ 371E17.67	Bản Buôn, Phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La
7	8	Bệnh viện Tâm Thần Tỉnh Sơn La				102	BV Tâm Thần / 180KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2- Phường Chiềng Cơi
8	9	Đài tiếng nói Việt Nam thường trú tại Sơn La				77	Đài tiếng nói Việt Nam / 180KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 2- phường Chiềng Cơi
9	10	Công an phường Chiềng Cơi				25	Xã Cơi 2 250KVA	Lộ 477 E17.67	SN 55, đường Hoàng Quốc Việt, bản Mé Ban, Phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La
II	2	PHƯỜNG TÔ HIỆU	816	503	296	2.898			
10	1	Văn Phòng HĐND - UBND phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La				195	Thành ủy / 250KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 8- phường Tô Hiệu
11	2	Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La				238	Biên Phòng / 400 KVA	Lộ 476E17.2	Tổ 1 Phường Tô Hiệu
12	3	Văn Phòng Tỉnh Ủy Sơn La. (các phòng Ban)				435	Hội trường lớn Tỉnh Ủy / 500KVA	Lộ 477E17.67	Tổ 7 Phường Tô Hiệu

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
13	4	Văn Phòng Tỉnh Ủy Sơn La. (Hội trường)				365	Hội trường lớn Tỉnh Ủy / 500KVA	Lộ 477 E17.67	Tổ 7 Phường Tô Hiệu
14	5	Bộ Chỉ huy quân sự Tỉnh Sơn la				111	Bộ CHQS Tỉnh / 250KVA	Lộ 473E17.2	Tổ 5- Phường Tô Hiệu
15	6	Đài Truyền thanh truyền hình tỉnh Sơn La (Báo Sơn La cũ)				16	Tổ 5 Tô Hiệu / 100 KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 1 Phường Tô Hiệu
16	7	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Sơn La				150	Đài PTTH Tỉnh / 180KVA	Lộ 476E17.2	Tổ 2- Phường Tô Hiệu
17	8	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa phường Tô Hiệu (Trung tâm Truyền thông - Văn hóa Thành phố)				52	SHINING 3 / 250KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 7- Phường Tô Hiệu
18	9	Công an phường Tô Hiệu				67	Sở Công An / 160KVA	Lộ 475E17.67	Công an thành phố- Tô 5 phường Tô Hiệu
		Công an phường Tô Hiệu				15	Xã coi II/400kVA (Xã coi I/400kVA)	Lộ 475E17.67 (Lộ 473E17.2)	Tổ 1 Phường Tô Hiệu
	10	Phòng Cảnh sát PCCC công an tỉnh				35	TBA Đồi Châu 320kVA	Lộ 475E17.67 (Lộ 473E17.2)	Số 6A, đường Tô Hiệu, phường Tô Hiệu

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
19	11	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Sơn La (Bệnh viện cũ)				37	Bệnh viện 2 / 250KVA	Lộ 475E17.67	Bệnh Viện Đa Khoa-Cơ sở 2 - Tổ 4- phường Tô Hiệu
						259	Bệnh viện / 250KVA)	Lộ 475E17.67	
20	12	Bưu điện tỉnh Sơn La	89	50	30		Báo Sơn La / 180KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 5 Phường Tô Hiệu
21	13	Trung tâm Viễn thông TP (Tòa nhà VNPT)	203	150	40		Tòa nhà VNPT/ 320KVA	Lộ 477E17.67	Tổ 5 Phường Tô Hiệu
22	14	Tòa nhà Viettel Sơn La	387	263	89		Tòa nhà VIETTEL / 750KVA	Lộ 476E17.2	Tổ 1 Phường Tô Hiệu
23	15	Công ty Cổ phần cấp nước Sơn la	137	40	137		Khí Tượng / 250KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 5 Phường Tô Hiệu
24	16	BV Y dược Cổ Truyền Tỉnh Sơn La				56	Mường La /320 KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 5-Chiềng Lề Phường Tô Hiệu
25	17	Bệnh Viện Phục Hồi Chức năng Tỉnh Sơn La				415	BV Y học cổ truyền / 560KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 5-Chiềng Lề Phường Tô Hiệu
26	18	Bệnh viện nội tiết tỉnh Sơn la				53	BV Nội Tiết / 400KVA	Lộ 471E17.2	Tổ 4- Chiềng Lề phường Tô Hiệu
27	19	Sở Y Tế Tỉnh Sơn La (Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật)				210	Da liễu / 250KVA	Lộ 471E17.2	Tổ 3- Chiềng Lề phường Tô Hiệu
28	20	Trung Tâm Kiểm Nghiệm Thuốc - Mỹ Phẩm Thực Phẩm				50	Liên cơ 1 / 320KVA	Lộ 471E17.2	Tổ 4- Chiềng Lề phường Tô Hiệu
29	21	Trung Tâm Pháp Y Tỉnh Sơn La				72	Bệnh viện 1 / 320KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 4- Chiềng Lề phường Tô Hiệu

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
30	22	Sở giáo dục				35	CQT Sở giáo dục / 250KVA	Lộ 476 E17.2	Số 106 đường Thanh Niên, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.
31	23	Sở Y tế				40	BV Nội Tiết / 400KVA	Lộ 471E17.2	Số 48, đường Lò Văn Giá, tổ 3, Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
32	24	Sở Xây Dựng Tỉnh Sơn La				42	Tổ 2 P. Quyết Thắng/400 KVA	Lộ 473E17.2	Số 188, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
33	25	Đài khí tượng thủy văn Bắc Bộ- trạm khí tượng Sơn la				38	Khí tượng/250kVA	Lộ 475E17.67	Tổ 9, phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
34	26	Đài khí tượng thủy văn tỉnh Sơn La				21	Khí tượng/250kVA	Lộ 475E17.67	Tổ 9, phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
III	3	PHƯỜNG CHIỀNG SINH	0	0	0	3.290			
35	1	UBND Phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La (UBND phường Chiềng sinh cũ)				15	CQT Đèn đường T1 / 180KVA	474E17.2	Tổ 3 Phường Chiềng Sinh

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
36	2	UBND Phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La (UBND Xã Chiềng Ngần cũ)				12	UBX Chiềng Ngần / 100KVA	478E17.2	UBX Chiềng Ngần- Phường Chiềng Sinh
37	3	UBND phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La (Trung tâm VH truyền thông TP cũ)				17	Đài truyền thanh tỉnh / 250KVA	378E17.2	Tổ 5 Phường Chiềng Sinh
38	4	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Sơn La (Bệnh viện 500 giường)				2.089	Bệnh viện Đa khoa/2500KVA	Lộ 474E17.2	Tổ 17 Phường Chiềng Sinh
39	5	Viện Quân Y 6				341	Viện quân Y 6 / 400KVA Viện 6 / 180KVA	Lộ 374E17.2 Lộ 473E17.2	Tổ 2 Phường Chiềng Sinh (Hai điểm đo hai lộ khác nhau)
40	6	Công an tỉnh Sơn La				670	TBA Công an tỉnh / 1000KVA	Lộ 474E17.2	Số 678 đường Lê Duẩn, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La
41	7	Công an phường Chiềng Sinh				15	CQT Đèn đường T1 / 180KVA	474E17.2	Số 484, tổ 3, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La
42	8	Trung tâm y tế khu vực Thành phố Sơn La (Trung tâm y tế Thành phố Sơn La)				131	TT y tế Thành phố / 160KVA	Lộ 474E17.2	Phường Chiềng Sinh
IV	4	PHƯỜNG CHIỀNG AN	337	110	337	45			

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
43	1	Văn Phòng HĐND - UBND phường Chiềng An, tỉnh Sơn La				20	Bản Bó / 180KVA (Bản Bó / 250KVA)	475E17.67	Bản Bó Phường Chiềng An
	2	Trụ sở UBND xã Chiềng Xôm (cũ)				12	Chiềng Xôm/ 250KVA)	475E17.67	Bản Panh, phường
44	3	Nhà máy nước 2	162	60	162		NM nước 2 /180 KVA	475E17.67	Tổ 5- Phường Chiềng An
45	4	Bơm nước Nậm La	175	50	175		BN Nậm La / 180KVA	Lộ 477E17.67	Tổ 5- Phường Chiềng An
46	5	Công an phường Chiềng An				25	Bản bó 1/ 250KVA (Bản Cá 2/ 250KVA)	Lộ 475E17.67	Bản Bó, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
47	6	Trụ sở Công an tỉnh cũ				45	TBA Sở Công an cũ 250KVA	Lộ 475E17.67	Tổ 2, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
48	7	Nhà máy xử lý nước thải thành phố Sơn La	250	150	350		TBA Sử lý nước Thải / 400KVA)	Lộ 475E17.67	Bản Tông, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
49	8	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Sơn La				150	TBA BV nội tiết / 250KVA)	Lộ 475E17.67	Bản Cọ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
50	9	Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Sơn L				120	TBA BV phong Da Liễu / 250KVA)	Lộ 475E17.67	Bản Cọ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
51	10	Trạm Y tế phường Chiềng An				15	Bản Bó /250KVA	Lộ 475E17.67	Bản Cá, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La
V	5	XÃ MAI SƠN	0	0	0	763.87			
52	1	Văn phòng Đảng ủy, HĐND, UBND Xã Mai Sơn				58.8	Ủy Ban/320KVA	Lộ 471E17.62	Tiểu Khu 4 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
53	2	Công an Xã Mai Sơn				22.13	Trường Lái Xe/180KVA	Lộ 375E17.62	Tiểu Khu 2 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
54	3	Trụ sở Công an huyện Mai Sơn (Cũ)				25	Trường Lái Xe/180KVA	Lộ 375E17.62	Tiểu Khu 2 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
55	4	Đội chữa cháy và CNCH khu vực IV				12.37	Tự Dưng/250KVA	Lộ 373E17.62	Tiểu Khu 7 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
56	5	Ban chỉ huy Quân sự xã Mai Sơn				15	Huyện Đội/320KVA	Lộ 473E17.62	Tiểu Khu 9 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
57	6	BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC MAI SƠN				459.5	Bệnh viện đa khoa Mai sơn/560KVA	Lộ 473E17.62	Tiểu Khu 18 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
58	7	Bưu điện xã Mai Sơn				4.2	Tiểu Khu 6/320KVA	Lộ 471E17.62	Tiểu Khu 6 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
59	8	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA				93	TBA - XN nước (Bơm đầu nguồn)/100	Lộ 375E17.62	Tiểu Khu 20 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
60	9	Bệnh viện Phổi tỉnh Sơn La				35	Bệnh Viện Lao/180KVA	Lộ 373E17.62	Tiểu Khu 17 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
61	10	Bệnh viện Phổi tỉnh Sơn La				35	Bệnh Viện/180KVA	Lộ 473E17.62	Tiểu Khu 17 - xã Mai Sơn - tỉnh Sơn La
VI	6	XÃ CHIỀNG MAI	0	0	0	51.05			
62	1	HĐND xã Chiềng Mai				5	UBND Xã C.Mai/100KVA	Lộ 373E17.2	Bản Ban - xã Chiềng Mai - tỉnh Sơn La
63	2	UBND Xã Chiềng Mai (trụ sở UB xã)				31,48	Bản Ngâu	Lộ 373E17.2	Bản Vực - xã Chiềng Mai - tỉnh Sơn La
64	3	UBND Xã Chiềng Mai				2.57	UBND Xã C.Mai/100KVA	Lộ 373E17.2	Bản Ban - xã Chiềng Mai - tỉnh Sơn La
65	4	Công an xã Chiềng Mai				12	UBND Xã C.Mai/100KVA	Lộ 373E17.2	Bản Ban - xã Chiềng Mai - tỉnh Sơn La
VII	7	XÃ PHIỀNG PẮN	0	0	0	49.915			

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
66	1	HĐND xã Phiêng Păn				2	Bó Mít/75KVA	Lộ 373E17.2	Bản Kết Hay, xã Phiêng Păn, tỉnh Sơn La
67	2	UBND Xã Phiêng Păn				2.225	Bó Mít/75KVA	Lộ 373E17.2	Bản Kết Hay, xã Phiêng Păn, tỉnh Sơn La
68	3	Công an xã Phiêng Păn				7.48	Bó Mít/75KVA	Lộ 373E17.2	Bản Kết Hay, xã Phiêng Păn, tỉnh Sơn La
69	4	Đồn biên phòng Phiêng Păn (Phiên hiệu 459)				38.21	TBA Đồn Biên Phòng 459/50KVA	Lộ 373E17.2	Bản Phiêng Khang, xã Phiêng Păn, tỉnh Sơn La
VIII	8	XÃ CHIỀNG MUNG	0	0	0	265.79			
70	1	Đảng Ủy, HĐND, Xã Chiềng Mung				21,35	Chiềng Mung 1/180KVA	Lộ 378E17.2	Bản Phát, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La
71	2	Công an xã Chiềng Mung				5,35	Noong La/180KVA	Lộ 378E17.2	Bản Nà Hạ 2, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La
72	3	Trạm Ra Đa 37-Trung đoàn 293 - Sư đoàn 361				92,75	TBA - Ra đa 37/180KVA	Lộ 378E17.2	Tiểu Khu Nà Sản, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La
73	4	Trạm Ra Đa 37, trung đoàn 293 sư đoàn 361 Quân chủng phòng không - không quân				30,9	Ra Đa 37 Tầm xa/50KVA	Lộ 378E17.2	Tiểu Khu Nà Sản, xã Chiềng Mung, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
74	5	Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La				115.34	TTGDLĐ Tỉnh/560KVA	Lộ 373E17.2	Bản Mạt - xã Chiềng Mung - tỉnh Sơn La
IX	9	XÃ PHIỀNG CẨM	0	0	0	19.4			
75	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Xã Phiềng Cẩm				14.3	UBND Xã P. Cẩm/180KVA	Lộ 373E17.2	Bản Nong Tàu Thái, xã Phiềng Cẩm, tỉnh Sơn La
76	2	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHIỀNG CẨM				15	Nong Tàu Thái/50KVA	Lộ 373E17.2	Bản Nong Tàu Thái, xã Phiềng Cẩm, tỉnh Sơn La
77	3	Công an xã Phiềng Cẩm				5,02	UBND Xã P. Cẩm/180KVA	Lộ 373E17.2	Bản Nong Tàu Thái, xã Phiềng Cẩm, tỉnh Sơn La
X	10	XÃ MƯỜNG CHANH	0	0	0	18.5			
78	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Xã Mường Chanh				10.5	Cang Mường/75KVA	Lộ 373E17.2	Bản Cang Mường, xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La
79	2	Công an xã Mường Chanh				8	Cang Mường/75KVA	Lộ 373E17.2	Bản Cang Mường, xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La
XI	11	XÃ TÀ HỘC	0	0	0	37.75			
80	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Xã Tà Hộc				19	Nà Bó 2/180KVA	Lộ 375E1762	Bản Hộc, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La
81	2	Công an xã Tà Hộc				18.75	Nà Bó 2/180KVA	Lộ 375E1762	Bản Hộc, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
XII	12	XÃ CHIỀNG SUNG	0	0	0	27.8			
82	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Xã Chiềng Sung				15.8	Hoà Bình/180KVA	Lộ 371E1762	Bản Hòa Bình, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La
83	2	Công an xã Chiềng Sung				12	Hoà Bình/180KVA	Lộ 371E1762	Bản Hòa Bình, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La
XIII	13	XÃ YÊN CHÂU	0	0	0	248.94			
84	1	Đảng uỷ, HĐND xã Yên Châu				18.7	Ủy Ban/320KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
85	2	UBND Xã Yên Châu				14.2	Tiểu khu 3/180KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
86	3	Công an xã Yên Châu				9.6	Ủy Ban/320KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
87	4	Trụ sở Công an huyện Yên Châu (cũ)				20	Ủy Ban/320KVA	Lộ 371E17.66	TK 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
88	5	Đội chữa cháy và CNCH khu vực VIII				16	TBA Thi Trấn /180KVA	Lộ 371E17.66	TK 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
89	6	Ban Chỉ Huy Phòng Thủ Khu Vực 4 - Mộc Châu (Trung Tâm Huấn Luyện Cơ Sở 07)				7	Bệnh Viện/400KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 5, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
90	7	Bệnh viện đa khoa xã Yên Châu				150	Bệnh viện Đa Khoa/320KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 5, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
91	8	Chi nhánh cấp nước Yên Châu				22	Ủy Ban/320KVA	Lộ 371E17.66	Tiểu Khu 3, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La
XIV	14	XÃ CHIỀNG HẠC	0	0	0	34.6			
92	1	Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Chiềng Hạc				25	Hát Sét/180KVA	Lộ 371E17.66	Bản Đoàn kết, xã Chiềng Hạc, tỉnh Sơn La
93	2	Công an Xã Chiềng Hạc				9.6	Hát Sét/180KVA	Lộ 371E17.66	Bản Huổi Sét, xã Chiềng Hạc, tỉnh Sơn La
XV	15	XÃ LÓNG PHIÊNG	0	0	0	42.3			
94	1	Đảng uỷ, HĐND, UBND Xã Lóng Phiêng				15	Ủy Ban 1/180KVA	Lộ 373E17.66	Yên Thi, Xã Lóng Phiêng, Yên Châu, Sơn La
95	2	Đồn Biên Phòng Chiềng Tương				19.88	Đề A/50KVA	Lộ 373E17.66	Bản Đề A, xã Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La
96	3	Công an Xã Lóng Phiêng				7.42	Lóng Phiêng/180KVA	Lộ 373E17.66	Bản Tà Vàng, xã Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La
XVI	16	XÃ YÊN SƠN	0	0	0	35.42			
97	1	Đảng uỷ, HĐND, UBND Xã Yên Sơn				21	Chiềng Hưng/180KVA	Lộ 371E17.66	Chiềng Hưng, Xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La
98	2	Công an Xã Yên Sơn				7.42	Chiềng Hưng/180KVA	Lộ 371E17.66	Chiềng Hưng, Xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
99	3	Đồn Biên Phòng Chiềng On				7	Nà Đít/100KVA	Lộ 371E17.66	Nà Đít, Xã Yên Sơn, tỉnh Sơn La
XVII	17	XÃ PHIÊNG KHOÀI	0	0	0	35			
100	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Phiêng khoài				15	Kim chung 2/180KVA	Lộ 373E17.66	Bản Kim Chung 1, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La
101	2	Công an xã Phiêng khoài				10	Kim Chung 3/180KVA	Lộ 373E17.66	Bản Kim Chung 3, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La
102	3	Trạm Y tế xã Phiêng Khoài				10	Trường Cấp 2 Phiêng Khoài/180KVA	Lộ 373E17.66	Bản Kim Chung 1, xã Phiêng Khoài, tỉnh Sơn La
XVIII	18	PHƯỜNG MỘC CHÂU	0	0	0	236.08			
103	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Phường Mộc Châu (Trụ sở UBND thị xã Mộc Châu cũ)				26.18	Trung tâm hành chính/560	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố 14, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
104	2	Ban chỉ huy phòng thủ khu vực 4 - Mộc Châu				20	Trung tâm hành chính/560	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố 14, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
105	3	Bệnh viện đa khoa Phường Mộc Châu				147.4	Bệnh viện đa khoa Mộc Châu/400	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 11, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
106	4	Trung tâm y tế Mộc Châu				19.5	Đèn Đường/250	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố 14, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
107	5	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu				9	Lâm Sản 2/180	Lộ 471E17.1	Tổ dân phố 13, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
108	6	Công an Phường Mộc Châu				14	Trung tâm hành chính/560	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố 4, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La
XIX	19	PHƯỜNG MỘC SƠN	71.5	45	71.5	271.81			
109	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Phường Mộc Sơn				35	UB huyện/400	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
110	2	Công an Phường Mộc Sơn				14	UB huyện/400	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
111	4	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu - Trạm bơm	46.5	30	46.5		Bơm nước M.C/180	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố 8, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
112	5	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu - Trạm bơm	25	15	25		Trường DTNT (Nội trú)/250	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 3, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
113	6	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa Mộc Châu				4.96	TT Văn Hóa/180	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 8, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
114	7	Bưu điện Mộc Châu				1.27	Tiểu Khu 4/160	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
XX	20	PHƯỜNG VÂN SƠN	0	0	0	49			
115	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Phường Vân Sơn				35	UBX Phiêng Luông/160	Lộ 374E17.1	Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La
116	2	Công an Phường Vân Sơn				14	UBX Phiêng Luông/160	Lộ 374E17.1	Tổ dân phố Đoàn Kết, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La
XXI	21	PHƯỜNG THẢO NGUYỄN	0	0	0	171.8			
117	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Phường Thảo Nguyên				34	Trường 8-4/180	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 40, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
118	2	Công an Phường Thảo Nguyên				16	Quỹ Tín dụng/180	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố Trung Nguyên, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
119	3	Bệnh viện đa khoa khu vực Thảo Nguyên				77.2	Chợ km 70/250	Lộ 473E17.1	Tổ dân phố Bình Nguyên, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
120	4	Đội PCCC&CNCH Nông trường Mộc Châu				20	Phòng Cháy/100	Lộ 474E17.1	Tổ dân phố 3/2, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
121	5	Nhà máy nước khu Nông trường				9.6	Trung Tâm/320	Lộ 471E17.1	Tổ dân phố Khí Tượng, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
122	6	Ra đa 35				15	Ra Đa 2/250	Lộ 476E17.1	Tổ dân phố 84/85, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
XXII	22	XÃ ĐOÀN KẾT	0	0	0	39			
124	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Xã Đoàn Kết				27	Lâm Trường 2/180	Lộ 374E17.1	Bản Nà Sài, xã Đoàn Kết, tỉnh Sơn La
125	2	Công an xã Đoàn Kết				12	Lâm Trường 2/180	Lộ 374E17.1	Bản Nà Sài, xã Đoàn Kết, tỉnh Sơn La
XXIII	23	XÃ LÓNG SẬP	0	0	0	93			
126	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Xã Lóng sập				31	Tất Lau/100	Lộ 372E17.1	Bản Phát, xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La
127	2	Công an xã Lóng sập				12	Tất Lau/100	Lộ 372E17.1	Bản Phát, xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La
128	3	Đồn biên phòng Lóng Sập				30	TBA Đồn 469/100KVA	Lộ 372E17.1	xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La
129	4	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Lóng Sập				20	TBA Cửa Khẩu/50KVA	Lộ 372E17.1	xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La
XXIV	24	XÃ CHIỀNG SƠN	0	0	0	72			

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
130	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Xã Chiềng Sơn				36	Chiềng ve 1/320	Lộ 372E17.1	Tiểu khu 5, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La
131	2	UBND Xã Chiềng Sơn (Trụ sở UBND Xã Chiềng Xuân cũ)				22	UBX Chiềng Xuân/75	Lộ 372E17.1	Bản Suối Quanh, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La
132	3	Công an xã Chiềng Sơn				14	Chiềng ve 1/320	Lộ 372E17.1	Tiểu khu 5, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La
XXV	25	XÃ TÂN YÊN	0	0	0	46			
133	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND Xã Tân Yên (trụ sở UBND xã Tân Lập cũ)				31	Ngã 3 Đội 12/180	Lộ 476E17.1	Tiểu khu 12, xã Tân Yên, tỉnh Sơn La
134	2	Công an xã Tân Yên				15	Ngã 3 Đội 12/180	Lộ 476E17.1	Tiểu khu 12, xã Tân Yên, tỉnh Sơn La
XXVI	26	XÃ VÂN HỒ	861.41	839.5	545.86	598.1	E 17.1		
135	1	Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Vân Hồ				363.00	TT hành chính Vân Hồ/400	Lộ 472E17.1	Tiểu khu Sao Đỏ, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
136	2	Công an xã Vân Hồ				150.00	Công an Vân Hồ/250	Lộ 472E17.1	Tiểu khu Sao Đỏ, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
137	3	Ban chỉ huy Quân sự xã Vân Hồ				79.00	Huyện đội Vân Hồ/110	Lộ 472E17.1	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
138	4	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa Xã Vân Hồ	6.69	4.20	3.20		TT hành chính Vân Hồ/400	Lộ 472E17.1	Tiểu khu Sao Đỏ, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
139	5	Bưu điện xã Vân Hồ	20.36	16.30	10.50		Sao Đỏ 3/250	Lộ 472E17.1	Tiểu khu Sao Đỏ, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
140	6	Trung tâm Viễn thông xã Vân Hồ	4.20	3.00	2.00		TT hành chính Vân Hồ/400	Lộ 472E17.1	Tiểu khu Sao Đỏ, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
141	7	Chi nhánh cấp nước xã Vân Hồ	30.16	16.00	30.16		Bơm nước bản Bon/50	Lộ 472E17.1	Bản Bon, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
142	8	Trung Tâm Y Tế xã Vân Hồ				6.10	TT hành chính Vân Hồ/400	Lộ 472E17.1	Bản Hang Trùng I, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
143	9	Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Hồ - Cơ sở Vân Hồ	800	800	500		TBA Bệnh Viện/1200kVA	Lộ 472E17.1	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
XXVII	27	XÃ SONG KHỦA	0	0	0	45			
144	1	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Song Khủa				31.00	UBX Song Khủa/250	Lộ 374E17.1	Bản Lóng Khủa, xã Song Khủa, tỉnh Sơn La
145	2	Công an xã Song Khủa				14.00	UBX Song Khủa/250	Lộ 374E17.1	Bản Lóng Khủa, xã Song Khủa, tỉnh Sơn La
XXVIII	28	XÃ TÔ MÚA	0	0	0	39			

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
146	1	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tô Múa				25.00	Tô Múa/320	Lộ 374E17.1	Tiểu khu Trung Tâm, xã Tô Múa, tỉnh Sơn La
147	2	Công an xã Tô Múa				14.00	Bản Pàn/100	Lộ 374E17.1	Bản Pàn Ngựa, xã Tô Múa, tỉnh Sơn La
XXIX	29	XÃ XUÂN NHA	0	0	0	47			
148	1	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Xuân Nha				32.00	Bản Thín/160	Lộ 376E17.1	Bản Thín, xã Xuân Nha, tỉnh Sơn La
149	2	Công an xã Xuân Nha				15.00	Bản Thín/160	Lộ 376E17.1	Bản Thín, xã Xuân Nha, tỉnh Sơn La
XXX	30	XÃ PHÙ YÊN	80.31	30	80.31	692.64	E 17.5		
150	1	Đảng Ủy Xã Phù Yên				39.4	UBND Huyện/ 320KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 04, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
151	2	HĐND, UBND Xã Phù Yên				75	Ủy Ban huyện 2/ 250KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 04, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
152	3	Công an xã Phù Yên				318.8	Công An Phù Yên/ 320KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 01, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
153	4	Công an xã Phù Yên				12	Bản Puôi 1/ 100KVA	Lộ 471E17.5	Puôi 2, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
154	5	Công an xã Phù Yên				13	Nong Púng/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Tân Cống, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
155	6	Công an xã Phù Yên				15	Kho Bạc/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Tiểu khu 04, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
156	7	Ban Chỉ huy PTKV 3 - Mai Sơn, Bộ CHQS tỉnh Sơn La				7.5	Khối 5/ 250KVA	Lộ 375E17.5	Tiểu khu 04, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
157	8	Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên				68.58	Bệnh Viện/ 400KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 01, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
158	9	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Phù Yên				31.6	Khối 11/ 320KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 02, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
159	10	Bưu điện xã Phù Yên				10.9	Công An Huyện/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Tiểu khu 04, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
160	11	Chi nhánh Trung tâm Viễn thông Phù Yên - Bắc Yên Viễn thông Sơn La				13.74	UBND Huyện/ 320KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 04, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
161	12	Chi nhánh cấp nước xã Phù Yên				2.05	Sân Vận Động/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Tiểu khu 05, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
162	13	Chi nhánh cấp nước xã Phù Yên	80.31	30	80.31		Trạm Bom/ 100KVA	Lộ 375E17.5	Trạm Bơm nước Nà Xá, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
163	14	Đài Truyền Thanh truyền hình Phù Yên (Trạm phát sóng FM)				17.8	FM Suối Tọ/50KVA	Lộ 375E17.5	Đồi Thông, xã Suối Tọ, tỉnh Sơn La
164	15	Trung tâm y tế xã Phù Yên				17.27	Công Viên 3/2/ 400KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 01, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
165	16	Điểm Y Tế Huy Hạ				8	Nà Lò 1/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Bản Trờ 1, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
166	17	Điểm Y Tế Huy Tân				9	Bản Puôi/ 250KVA	Lộ 471E17.5	Bản Puôi, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
167	18	Điểm Y Tế Huy Thượng				12	Bản Ban/ 250KVA	Lộ 375E17.5	Bản Ban, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
168	19	Điểm Y Tế Huy Tường				6	Huy Tường 1/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Bản Tiến Phong, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
169	20	Bộ Phận Tiếp Nhận Và Trả Kết Quả				15	Văn Hóa/ 320KVA	Lộ 471E17.5	Tiểu khu 02, Xã Phù Yên, Tỉnh Sơn La
XXXI	31	XÃ GIA PHÙ	0	0	0	111			
170	1	Đảng ủy, HDND xã Gia Phù				35	Bùa Chung 3/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Bùa Thượng 1, Xã Gia Phù, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
171	2	UBND xã Gia Phù				20	Bản Chát (GP)/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Bản Nà Khảm, xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
172	3	Công An Xã Gia Phù				16	Bản Chát (GP)/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Phổ Ngã Ba, Xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
173	4	Công An Xã Gia Phù				10	Bùn Thượng 2/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Bản Bùn Thượng, Xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
174	5	Công An Xã Gia Phù				8	UB Sập Sa/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Xa, Xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
175	6	Trạm Y tế Xã Gia Phù				7	Nà Mạc/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Bản Nà Mạc, Xã Gia Phù, tỉnh Sơn La
176	7	Điểm Y Tế Suối Bau				5	Suối Chèo/50kVA	Lộ 373E17.5	Bản Suối Chèo, Xã Gia Phù, Tỉnh Sơn La
177	8	Điểm Y Tế Sập Xa				5	UB Sập Sa/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Xa, Xã Gia Phù, Tỉnh Sơn La
178	9	Điểm Y Tế Tường Phù				5	Bùn Chung 3/180kVA	Lộ 375E17.5	Bản Bùn Chung 1, Xã Gia Phù, Tỉnh Sơn La
XXXII	32	XÃ TƯỜNG HẠ	0	0	0	92.9			
179	1	UBND xã Tường Hạ				27	Bản Cóc/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Cóc, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
180	2	Đảng ủy, HDND xã Tường Hạ				15	Tường Thượng/100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Khoa 1, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
181	3	Công an xã Tường Hạ				14	Bản Cóc/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Cóc, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
182	4	Công an xã Tường Hạ - Tổ khu Vực 2				9	Bản Pa / 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Pa, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
183	5	Công an xã Tường Hạ - Tổ khu Vực 3				9	Tường Thượng/100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Khoa 1, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
184	6	Trạm Y tế Xã Tường Hạ				3.9	Bản Cóc/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Cóc, xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La
185	7	Điểm Y Tế Tường Phong				5	Hạ Lương/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Bản Hạ Lương, Xã Tường Hạ, Tỉnh Sơn La
186	8	Điểm Y Tế Tường Tiến				5	Bản Pa / 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Pa, Xã Tường Hạ, Tỉnh Sơn La
187	9	Điểm Y Tế Tường Thượng				5	Bản Thon / 100KVA	Lộ 375E17.5	Bản Đồng La, Xã Tường Hạ, Tỉnh Sơn La
XXXIII	33	XÃ MƯỜNG COI	0	0	0	55.4			
188	1	Đảng ủy, HDND, UBND xã Mường Cói				24	Mường Cói/ 250KVA	Lộ 375E17.5	Ngã Ba, xã Mường Cói, tỉnh Sơn La
189	2	Công an xã Mường Cói				15	Bãi Đu/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Đu Lau, xã Mường Cói, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
190	3	Trạm Y tế Xa Mường Cơi				5.4	Suối Bí/ 180KVA	Lộ 375E17.5	Ngã Ba, xã Mường Cơi, tỉnh Sơn La
191	4	Điểm Y Tế Mường Thái				5	Thải Thượng / 100KVA	Lộ 375E17.5	Bản Thái, Xã Mường Cơi, tỉnh Sơn La
192	5	điểm Y Tế Tân Lang				6	TBA Bản Khên /100kVA	Lộ 371E17.5	Bản Khên Tiên, xã Mường Cơi
XXXIV	34	XÃ MUỜNG BANG	0	0	0	66			
193	1	Đảng ủy, HDND, UBND xã Mường Bang				31	Bản Lăn/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Lăn, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La
194	2	Công An Xã Mường Bang				13	Bản Sọc/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Sọc, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La
195	3	Công An Xã Mường Bang				5	Bản Lăn/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Lăn, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La
196	4	Trạm Y Tế xã Mường Bang				7	Bản Lăn/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Lăn, xã Mường Bang, tỉnh Sơn La
197	5	Điểm Y Tế Mường Bang				5	Bản Sọc/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Sọc, Xã Mường Bang, Tỉnh Sơn La
198	6	Điểm Y Tế Mường Lang				5	Bản Đung/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Đung, Xã Mường Bang, Tỉnh Sơn La
XXXV	35	XÃ TÂN PHONG	0	0	0	59			
199	1	Đảng ủy, HDND, UBND xã Tân Phong				28	Suối Nhào/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Vạn Yên, xã Tân Phong, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
200	2	Công an xã Tân Phong				14	Suối Nhào/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Vạn Yên, xã Tân Phong, tỉnh Sơn La
201	3	Trạm Y Tế xã Tân Phong				7	Vạn 2/ 180KVA	Lộ 371E17.5	Bản Vạn Yên, xã Tân Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La
202	4	Điểm Y Tế Nam Phong				5	Đá Mài/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Đá Mài, Xã Tân Phong, tỉnh Sơn La
203	5	Điểm Y Tế Bắc Phong				5	Đá Phở/ 75KVA	Lộ 371E17.5	Bản Trung Phong, Xã Tân Phong, Tỉnh Sơn La
XXXVI	36	XÃ KIM BON	0	0	0	57			
204	1	Đảng ủy, HDND, UBND xã Kim Bon				31	UB Kim Bon 2/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Kim Bon, xã Kim Bon, tỉnh Sơn La
205	2	Công an xã Kim Bon				14	UB Kim Bon 2/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Kim Bon, xã Kim Bon, tỉnh Sơn La
206	3	Trạm Y Tế Xã Kim Bon				7	UB Kim Bon 2/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Suối Bương - Kim Bon - Phù Yên - Sơn La
207	4	Điểm Y Tế Đá Đỏ				5	UB Đá Đỏ/ 100KVA	Lộ 371E17.5	Bản Bãi Vàng, Xã Kim Bon, Tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
XXXVII	37	XÃ XUỐI TỌ	0	0	0	44			
208	1	Đảng ủy, HDND, UBND xã Xuối Tọ				25	UB Suối Tọ/ 31.5KVA	Lộ 375E17.5	Bản Lũng Khoai, xã Suối Tọ, tỉnh Sơn La
209	2	Công an xã Xuối Tọ				12	UB Suối Tọ/ 31.5KVA	Lộ 375E17.5	Bản Lũng Khoai, xã Suối Tọ, tỉnh Sơn La
210	3	Trạm Y tế Xã Suối Tọ				7	Suối Tọ/ 100KVA	Lộ 375E17.5	Bản Lũng Khoai A, Xã Suối Tọ, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La
XXXVIII	38	XÃ BẮC YÊN	0	0	0	412.65	E 17.5		
211	1	Văn phòng Đảng ủy xã Bắc Yên				28.7	Tiểu khu 1/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
212	2	Văn phòng HĐND-UBND xã Bắc Yên				29.3	Tiểu khu 1/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
213	3	Tổ địa bàn Bắc Yên - Phòng PC 08				7.1	Công An Huyện (BY)/ 320KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
214	4	Công an xã Bắc Yên				7.1	UB Thị Trấn/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu Phiêng Ban 2, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
	5	Trụ sở Công an Huyện Bắc Yên Cũ				15	Công An Huyện (BY)/ 320KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
215	6	Ban chỉ huy Quân sự xã Bắc Yên				7.1	Cấp 3/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu Phiêng Ban 2, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
216	7	Ban chỉ huy Quân sự xã Bắc Yên				3.96	TT GDTX/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
217	8	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Yên				252.95	TBA Bệnh Viện ĐKBY/ 400KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu Phiêng Ban 2, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
218	9	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Bắc Yên				19	Tiểu khu 1/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 1, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
219	10	Bưu điện Bắc Yên				7.1	Chợ Trung Tâm/400KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 3, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
220	11	Chi nhánh Trung tâm Viễn thông Phù Yên - Bắc Yên Viễn thông Sơn La				16.42	UB Thị Trấn/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu Phiêng Ban 2, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
221	12	Chi nhánh cấp nước Bắc Yên				7.55	Tiểu Khu 4/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 1, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
222	13	Chi nhánh cấp nước Bắc Yên				5.5	Trường Chính Trị/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 2, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
223	14	Trung tâm y tế khu vực Bắc Yên				6.83	Y Tế Dự Phòng/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu 2, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
224	15	Trạm y tế xã Bắc Yên				3.51	Cấp 3/ 250KVA	Lộ 373E17.5	Tiểu khu Phiêng Ban 2, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
225	16	Trạm y tế xã Bắc Yên				3.51	Hồng Ngải/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Hồng Ngải, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
226	17	Trạm y tế xã Bắc Yên				3.51	UBND Phiêng Ban/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Tân Ban, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
227	18	Trạm y tế xã Bắc Yên				3.51	Song Pe/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Pe, Xã Bắc Yên, Tỉnh Sơn La
XXXIX	39	XÃ TÀ XÙA	0	0	0	48.53			
228	1	Ủy ban nhân dân xã Tà Xùa				24	Chế biến Chè Tà Xùa/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Tà Xùa, Xã Tà Xùa, Tỉnh Sơn La
229	2	Ủy ban nhân dân xã Tà Xùa				14	UBND Làng Chếu/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Trang Dưa Hang, Xã Tà Xùa, Tỉnh Sơn La
230	3	Trạm y tế xã Tà Xùa				3.51	Tà Xùa 2/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Tà Xùa, Xã Tà Xùa, Tỉnh Sơn La
231	4	Công an xã Tà Xùa				17	Tà Xùa 2/ 180KVA	Lộ 373E17.5	Bản Háng cao, Xã Tà Xùa, Tỉnh Sơn La
232	5	Trạm y tế xã Tà Xùa				3.51	UBND Làng Chếu/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Trang Dưa Hang, Xã Tà Xùa, Tỉnh Sơn La
233	6	Trạm y tế xã Tà Xùa				3.51	Háng Đồng B/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Háng Đồng, Xã Tà Xùa, Tỉnh Sơn La
XL	40	XÃ TẠ KHOA	0	0	0	55.53			
234	1	Ủy ban nhân dân xã Tạ Khoa				33	Bản Phúc/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Phúc, Xã Tạ Khoa, Tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
235	2	Công an xã Tạ Khoa				12	Bản Phúc/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Phúc, Xã Tạ Khoa, Tỉnh Sơn La
236	3	Trạm y tế xã Tạ Khoa				3.51	Bản Phúc/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Phúc, Xã Tạ Khoa, Tỉnh Sơn La
237	4	Trạm y tế xã Tạ Khoa				3.51	Nhạn Nọc/ 50KVA	Lộ 373E17.5	Bản Tân Tiến, Xã Tạ Khoa, Tỉnh Sơn La
238	5	Trạm y tế xã Tạ Khoa				3.51	Sòng Pét/ 50KVA	Lộ 373E17.5	Bản Hua Noong, Xã Tạ Khoa, Tỉnh Sơn La
XLI	41	XÃ XÍN VÀNG	0	0	0	39.02			
239	1	Ủy ban nhân dân xã Xím				21	Hang Chú/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Hang Chú, Xã Xím Vàng, Tỉnh Sơn La
240	2	Công an xã Xin Vàng				11	Hang Chú/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Hang Chú, Xã Xím Vàng, Tỉnh Sơn La
241	3	Trạm y tế xã Xím Vàng				3.51	Hang Chú/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Hang Chú, Xã Xím Vàng, Tỉnh Sơn La
242	4	Trạm y tế xã Xím Vàng				3.51	Xím Vàng/ 100KVA	Lộ 373E17.5	Bản Xím Vàng, Xã Xím Vàng, Tỉnh Sơn La
XLII	42	XÃ PẮC NGÀ	0	0	0	41			

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
243	1	Ủy ban nhân dân xã Pắc Ngà				22	Bản Bước/ 180KVA	Lộ 375E17.62	Bản Bước, Xã Pắc Ngà, Tỉnh Sơn La
244	2	Công an xã Pắc Ngà				10	Bản Bước/ 180KVA	Lộ 375E17.62	Bản Bước, Xã Pắc Ngà, Tỉnh Sơn La
245	3	Trạm y tế xã Pắc Ngà				3.51	Bản Bước/ 180KVA	Lộ 375E17.62	Bản Bước, Xã Pắc Ngà, Tỉnh Sơn La
246	4	Trạm y tế xã Pắc Ngà				3.51	Vàn 2/ 100KVA	Lộ 375E17.62	Bản Vàn, Xã Pắc Ngà, Tỉnh Sơn La
XLIII	43	XÃ CHIỀNG SẠI	0	0	0	55			
247	1	Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sại				31	Bản En/ 180KVA	Lộ 375E17.66	Bản En, Xã Chiềng Sại, Tỉnh Sơn La
248	2	Công an xã Chiềng Sại				16	Bản En/ 180KVA	Lộ 375E17.66	Bản En, Xã Chiềng Sại, Tỉnh Sơn La
249	3	Trạm y tế xã Chiềng Sại				3.51	Nà Dòn/ 100KVA	Lộ 375E17.66	Bản Nà Dòn, Xã Chiềng Sại, Tỉnh Sơn La
250	4	Trạm y tế xã Chiềng Sại				3.51	Bản En/ 180KVA	Lộ 375E17.66	Bản En, Xã Chiềng Sại, Tỉnh Sơn La
XLIV	44	XÃ QUỲNH NHAI	57.64	25	46.65	178.14			
251	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Quỳnh nhai -trụ sở UBND huyện Quỳnh Nhai cũ				23	TBA Số 05 P.Lanh/250	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
252	2	UBND xã Quỳnh nhai - Trụ sở UBND xã Chiềng Ôn cũ				12	TBA Pa Sáng /50	Lộ 373E17.4	Pa Sáng xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
253	3	UBND xã Quỳnh nhai - Trụ sở Trụ sở UBND xã Chiềng Khoang cũ				14	TBA Bản Khoang/180	Lộ 373E17.4	Bản Khoang xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
254	4	Công an xã Quỳnh nhai				15	Số 07 P.Lanh/250	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
255	5	Ban chỉ huy Quân sự xã Quỳnh Nhai				18.04	TBA Số 06 Phiêng Lanh/160	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
256	6	Bệnh viện Đa Khoa xã Quỳnh Nhai				46.62	Số 10 P.Lanh/250	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
257	7	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Quỳnh Nhai				2.78	TBA Số 04 Phiêng Lanh/400	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
258	8	Bưu điện xã Quỳnh Nhai				10.79	TBA Số 06 Phiêng Lanh/160	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
259	9	Trung tâm Viễn Thông Quỳnh Nhai	22.64	15	11		TBA Số 06 Phiêng Lanh/160	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 1 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
260	10	Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai	35	10	35.65		Co Phát/100	Lộ 373E17.4	Hua Mường xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
261	11	Trung tâm Y tế xã Quỳnh Nhai				35.91	TBA Số 09 Phiêng Lanh/320	Lộ 373E17.4	Tiểu khu 4 xã Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La
XLV	45	XÃ MUỜNG CHIÊN	0	0	0	63.7			
262	1	Đang ủy, HĐND, UBND xã Mường Chiên - Trụ sở UBND xã Mường Chiên cũ-				26.7	TBA Bản Quyền/75	Lộ 375E17.4	Bản Bon xã Mường Chiên tỉnh Sơn La
263	2	UBND xã Mường Chiên - Trụ sở UBND xã Chiềng Khay cũ				12	TBA TT xã Chiềng Khay/100	Lộ 375E17.4	Chiềng Khay xã Mường Chiên tỉnh Sơn La
264	3	UBND xã Mường Chiên - Trụ sở UBND xã Cà Nàng cũ				12	TBA Cà Nàng/160	Lộ 375E17.4	Cà Nàng xã Mường Chiên tỉnh Sơn La
265	4	Công an xã Mường Chiên - dùng chung với điện với UB xã				13	TBA TT xã Chiềng Khay/100	Lộ 375E17.4	Chiềng Khay xã Mường Chiên tỉnh Sơn La
XLVI	46	XÃ MUỜNG GIÔN	19.6	0	7.4	12.7			
266	1	Đang ủy, HĐND, UBND xã Mường Giôn	19.6		7.4		TBA UB Mường Giôn 2/180	Lộ 375E17.4	Chiềng Lề xã Mường Giôn tỉnh Sơn la
267	2	Công an xã Mường Giôn				12.7	TBA UB Mường Giôn/320	Lộ 375E17.4	Chiềng Lề xã Mường Giôn tỉnh Sơn la
XLVII	47	XÃ MUỜNG SẠI	0	0	0	44.1			

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
268	1	Đang ủy, HĐND, UBND xã Mường Sại				16.9	TBA Bản Muông/100	Lộ 375E17.4	Bản Nong xã Mường Sại tỉnh Sơn La
269	2	UBND xã Mường Sại -Trụ sở 2 Trụ sở UBND xã Nậm Ét cũ				14	TBA Bản Muông/100		Bản Nong xã Mường Sại tỉnh Sơn La
270	3	Công an xã Mường Sại				13.2	TBA Bản Muông/100	Lộ 375E17.5	Bản Nong xã Mường Sại tỉnh Sơn La
XLVII	48	XÃ THUẬN CHÂU	34	10	34.52	417.795	E 17.4		
271	1	HĐND, UBND xã Thuận Châu				11.4	TBA Nhà Văn Hóa/320	Lộ 375E17.4	Tiểu khu 7, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
272	2	Công an xã Thuận Châu				33.62	TBA Công An/180	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 8, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
	3	Đội chữa cháy và CNCH khu vực VII				13	TBA Công An/180	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 9, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
273	4	Bệnh viện đa khoa khu vực Thuận Châu				220	TBA Bệnh viện đa khoa huyện/180	Lộ 375E17.4	Tiểu khu 10, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
274	5	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa Thuận Châu				34.3	TBA Nhà Văn Hóa/320	Lộ 375E17.4	Tiểu khu 7, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
275	6	Trạm phát sóng FM				59.615	TBA FM Pha đin (CD)/100	Lộ 373E17.4	Huổi Ái, xã Mường É, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
276	7	Bưu điện xã Thuận Châu				12.6	TBA Công An/180	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 8, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
277	8	Trung tâm Viễn Thông xã Thuận Châu				5.48	TBA Công An/180	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 14, Xã Thuận Châu, Tỉnh Sơn La,
278	9	Chi nhánh cấp nước xã Thuận Châu	34	10	34.52		TBA Nhà Văn Hóa/320	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 7, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
279	10	Trạm Bơm xã Thuận Châu				15.08	TBA Bản Pó/160	Lộ 377E17.4	Bản Co Trạng , xã Muối Nội , tỉnh Sơn La
280	11	Trung tâm Y Tế xã Thuận Châu				25.7	TBA Tiểu Khu 9/100	Lộ 377E17.4	Tiểu khu 5, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
XLIX	49	XÃ CHIỀNG LA	0	0	0	36			
281	1	Đang ủy, HĐND, UBND xã Chiềng La - trụ sở làm việc UBND xã Nong lay cũ				22	TBA Cấp nước nong lay/180	Lộ 375E17.4	Bản Huổi Lọng, xã Chiềng La, tỉnh Sơn La
282	2	Công an xã Chiềng La - trụ sở làm việc UBND xã Nong lay cũ				14	TBA Cấp nước nong lay/180	Lộ 375E17.4	Bản Huổi Lọng, xã Chiềng La, tỉnh Sơn La
L	50	XÃ NẬM LẦU	0	0	0	20			
283	1	Đang ủy, HĐND, UBND xã Nậm Lầu - trụ sở làm việc UBND xã Púng Tra cũ				13	TBA Bản Dồm/100	Lộ 375E17.4	Bản Dồm, xã Púng Tra, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
284	2	Công an xã Nậm Lầu - trụ sở làm việc Trạm y tế cũ				7	TBA Bản Tằng/50	Lộ 375E17.4	Bản Tằng, xã Púng Tra, tỉnh Sơn La
LII	51	XÃ MUỐI NỘI	0	0	0	13.68			
285	1	Đang ủy, HĐND, UBND xã Muối Nội				5	TBA Muối Nội/160	Lộ 371E17.3	Bản Muối Nội A, xã Muối Nội, tỉnh Sơn La
286	2	Công an xã Muối Nội				9	TBA Nà Xá/100	Lộ 371E17.3	Bản Muối Nội A, xã Muối Nội, tỉnh Sơn La
LII	52	XÃ MƯỜNG KHIÊNG	0	0	0	34.5			
287	1	Đang ủy, HĐND, UBND xã Mường Khiêng				24	TBA Mường Khiêng/100	Lộ 375E17.3	Bản Mường Khiêng, xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La
288	2	Công an xã Mường Khiêng				11	TBA Mường Khiêng/100	Lộ 375E17.3	Bản Mường Khiêng, xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La
LIII	53	XÃ CO MẠ	0	0	0	42			
289	1	Đang ủy, HĐND, UBND xã Co Mạ				34	TBA Co mạ/75	Lộ 371E17.4	Bản Co Mạ, xã Co Mạ, tỉnh Sơn La
290	2	Công an xã Co Mạ				8	TBA Co mạ/75	Lộ 371E17.4	Bản Co Mạ, xã Co Mạ, tỉnh Sơn La
LLV	54	XÃ BÌNH THUẬN	0	0	0	12			
291	1	Đang ủy, HĐND, UBND xã Bình Thuận				12	TBA Bình thuận 3/180	Lộ 373E17.4	Bản Kiến Xương , xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
	2	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bình Thuận (Chiềng Pha cũ)				14	TBA Trường Đoàn 2/75	Lộ 373E17.4	Bản Ngà phát, xã Bình Thuận
292	3	Công an xã Bình Thuận				8.6	TBA Bình thuận 3/180	Lộ 373E17.4	Bản Kiến Xương , xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La
	4	Công an xã Bình Thuận (Chiềng Pha cũ)				12	TBA Trường Đoàn 2/75	Lộ 373E17.4	Bản Ngà phát, xã Bình Thuận
LV	55	XÃ MUỜNG Ế	0	0	0	19			
293	1	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường É				19	TBA Mường É 2/50	Lộ 373E17.4	Bản Phát Chặp, xã Mường É, tỉnh Sơn La
294	2	Công an xã Mường É				14.76	TBA Mường É 2/50	Lộ 373E17.4	Bản Phát Chặp, xã Mường É, tỉnh Sơn La
LVI	56	XÃ LONG HỆ	0	0	0	45			
295	1	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Long Hệ				35	TBA UB Long Hệ/100	Lộ 371E17.4	Bản Nậm Nhứ, xã Long Hệ, tỉnh Sơn La
296	2	Công an xã Long Hệ				10	TBA UB Long Hệ/100	Lộ 371E17.4	Bản Nậm Nhứ, xã Long Hệ, tỉnh Sơn La
LVII	57	XÃ MUỜNG BÁM	0	0	0	16			

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
297	3	Đang ủy, HĐND, UBND xã Mường Bán				12	TBA UB Mường Bám/180	Lộ 371E17.4	Bản Nà Hát , xã Mường Bám, tỉnh Sơn La
298	4	Công an xã Mường Bán				4	TBA UB Mường Bám/180	Lộ 371E17.4	Bản Nà Hát , xã Mường Bám, tỉnh Sơn La
LVIII	58	XÃ SÔNG MÃ	120	25	100.31	671.43	E 17.30		
299	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Sông Mã				224.7	TBA UBND Huyện/500	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 5 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
300	2	Công an xã Sông Mã				100	TBA Công An cơ sở 1/250	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 5 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
301	3	Ban chỉ huy Quân sự khu vực Sông Mã - Sốp Cộp				67.8	TBA Thị Trấn/400	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 5 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
302	4	Bệnh viện đa khoa khu vực Sông Mã				179.93	Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã/250	Lộ 375E17.30	Tổ dân phố 6 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
303	5	Bưu điện xã Sông Mã				30.4	TBA GDTX/320	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 2 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
304	6	Trung tâm Viễn Thông xã Sông Mã	30	15	10		TBA GDTX/320	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 2 xã Sông Mã tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
305	7	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Sông Mã				42.7	TBA Thị Trấn/400	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 2 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
306	8	Chi nhánh cấp nước Sông Mã	90	10	90.31		TBA Bơm Nước/250	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 1 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
307	9	Trung tâm y tế khu vực Sông Mã				25.9	TBA TT Y Tế Dự Phòng/320	Lộ 373E17.30	Tổ dân phố 5 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
LIX	50	XÃ BÓ SINH	0	0	0	81.02			
308	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Bó Sinh				61.82	TBA Bản Phổng 3/180	Lộ 373E17.30	Bản Phổng xã Bó Sinh tỉnh Sơn La
309	2	Công an xã Bó Sinh				19.2	TBA Bản Phổng 3/180	Lộ 373E17.30	Bản Phổng xã Bó Sinh tỉnh Sơn La
310	3	Trạm Y tế xã Bó Sinh					TBA Bản Phổng 3/180	Lộ 373E17.30	Bản Phổng xã Bó Sinh tỉnh Sơn La
LX	60	XÃ CHIỀNG KHƯƠNG	0	0	0	89.5			
311	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Khương				67.2	TBA Thống Nhất 2/250	Lộ 375E17.30	Bản Thống Nhất xã Chiềng Khương tỉnh Sơn La
312	2	Công an xã Chiềng Khương				22.3	TBA Thống Nhất 3/180	Lộ 375E17.30	Bản Thống Nhất xã Chiềng Khương tỉnh Sơn La
313	3	Trạm y tế xã Chiềng Khương				25	TBA Chiềng Khương/320	Lộ 375E17.30	Bản Chiềng Khương, Xã Chiềng Khương, Tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
LXI	61	XÃ MUỜNG HUNG	0	0	0	85.6			
314	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Mường Hung				66.4	Hong Dôm/100	Lộ 375E17.30	Bản Hong Dôm xã Mường Hung tỉnh Sơn La
315	2	Công an xã Mường Hung				19.2	Hong Dôm/100	Lộ 375E17.30	Bản Hong Dôm xã Mường Hung tỉnh Sơn La
316	3	Trạm y tế xã Mường Hung				22	Hong Dôm/100	Lộ 375E17.30	Bản Hong Dôm xã Mường Hung tỉnh Sơn La
LXII	62	XÃ CHIỀNG KHOONG	0	0	0	95.3			
317	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Khoong				74.3	Chiềng Khoong/180	Lộ 375E17.30	Bản Lướt xã Chiềng Khoong tỉnh Sơn La
318	2	Công an xã Chiềng Khoong				21	Chiềng Khoong/180	Lộ 375E17.30	Bản Lướt xã Chiềng Khoong tỉnh Sơn La
319	3	Trạm y tế xã Chiềng Khoong					TBA Huổi Khoong I/100	Lộ 375E17.30	Bản Lè, Xã Chiềng Khoong, Tỉnh Sơn La
LXIII	63	XÃ MUỜNG LÂM	0	0	0	97.85			
320	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Mường Lâm				76.65	TBA UB Mường Lâm/250kVA	Lộ 373E17.30	Bản Mường Cang xã Mường Lâm tỉnh Sơn La
321	2	Công an xã Mường Lâm				21.2	TBA UB Mường Lâm/250kVA	Lộ 373E17.30	bản Mường Nưa, xã Mường Lâm, tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
322	3	Trạm Y tế xã Mường Lầm				10	TBA UB Mường Lầm/250kVA	Lộ 373E17.30	bản Mường Cang, xã Mường Lầm, tỉnh Sơn La
323	4	Trạm truyền thanh xã Mường Lầm				10	TBA Mường Nưa /180kVA	Lộ 373E17.30	bản Nà Và, xã Mường Lầm, tỉnh Sơn La
324	5	Bưu điện xã Mường Lầm				5	TBA Mường Nưa /180kVA	Lộ 373E17.30	bản Mường Nưa, xã Mường Lầm, tỉnh Sơn La
LXIV	64	XÃ NẬM TY	0	0	0	86.3			
325	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Nậm Ty				66.2	TBA Bản Pàn/250	Lộ 373E17.30	Bản Pàn xã Nậm Ty tỉnh Sơn La
326	2	Công an xã Nậm Ty				20.1	TBA Bản Pàn/250	Lộ 373E17.30	Bản Pàn xã Nậm Ty tỉnh Sơn La
LXV	65	XÃ HUỖI MỘT	0	0	0	84.1			
327	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Huổi Một				62.8	Bằng Vúng/50	Lộ 373E17.30	Bản Bằng Vúng xã Huổi Một tỉnh Sơn La
328	2	Công an xã Huổi Một				21.3	Bằng Vúng/50	Lộ 373E17.30	Bản Bằng Vúng xã Huổi Một tỉnh Sơn La
LXVI	66	XÃ CHIỀNG SƠ	0	0	0	90.8			
329	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Sơ				65.7	Phiêng Xa/250	Lộ 373E17.30	Bản Luán xã Chiềng Sơ tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
330	2	Công an xã Chiềng Sơ				25.1	Phiêng Xa/250	Lộ 373E17.30	Bản Luẩn xã Chiềng Sơ tỉnh Sơn La
331	3	Trạm y tế xã Chiềng Sơ				24	Phiêng Xa/250	Lộ 373E17.3	Bản Luẩn xã Chiềng Sơ tỉnh Sơn La
LXVII	67	XÃ SÓP CỘP	80	37	43	449	E 17.30		
332	1	HĐND, UBND xã Sốp cộp				65.7	TBA Ủy Ban huyện/500	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
333	2	Công an xã Sốp cộp				32.8	TBA Công An/100	Lộ 371 E17.30	Bản Lốc Pồng xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
334	3	Ban chỉ huy Quân sự khu vực Sông Mã - Sốp Cộp				31.1	TBA Bơm Nước/180	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
335	4	Đoàn kinh tế Quốc phòng 326				140	TBA Sồm Pói/250	Lộ 371 E17.30	Bản Pói Lanh xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
336	5	Bệnh viện đa khoa khu vực Sốp Cộp				120	TBA Sốp Nặm/250	Lộ 371 E17.30	Bản Sốp Nặm xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
337	6	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Sốp Cộp				39.4	TBA Cang Mường/250	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
338	7	Buru điện	25	12	10		TBA Chợ Trung Tâm/250	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
339	8	Trung tâm Viễn Thông Sông Mã - Sốp Cộp	30	15	8		TBA Chợ Trung Tâm/250	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
340	9	Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp	25	10	25		TBA Bơm Nước/180	Lộ 371 E17.30	Bản Hua Mường xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
341	10	Trung tâm y tế khu vực Sốp cộp				20	TBA Phân Viện/180	Lộ 371 E17.30	Bản Sốp Nặm xã Sốp Cộp tỉnh Sơn La
LXVIII	68	XÃ PÚNG BÁNH	0	0	0	85.1			
342	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Púng Bánh				65.3	Bản Kéo/180	Lộ 371 E17.30	Bản Kéo xã Púng Bánh tỉnh Sơn La
343	2	Công an xã Púng Bánh				19.8	Bản Kéo/180	Lộ 371 E17.30	Bản Kéo xã Púng Bánh tỉnh Sơn La
LXIX	69	XÃ MƯỜNG LẠN	0	0	0	84.1			
344	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Mường Lạn				64.7	Mường Lạn/100(160)	Lộ 371 E17.30	Bản Mường lạn xã Mường Lạn tỉnh Sơn La
345	2	Công an xã Mường Lạn				19.4	Mường Lạn/100(160)	Lộ 371 E17.30	Bản Mường lạn xã Mường Lạn tỉnh Sơn La
LXX	70	XÃ MƯỜNG LÈO	0	0	0	69.1			
346	1	Đảng Ủy, HĐND, UBND xã Mường Lèo				50.8	UB Mường Lèo/100	Lộ 371 E17.30	Bản Liềng xã Mường Lèo tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
347	2	Công an xã Mường Lèo				18.3	UB Mường Lèo/100	Lộ 371 E17.30	Bản Liềng xã Mường Lèo tỉnh Sơn La
LXXI	71	XÃ MUỜNG LA	96.8	49.6	63.8	420.1	E 17.3		
348	1	Đảng ủy, HĐND, UBND xã Mường La				361	H.Ủy - Ủy Ban - TT/500	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 3, xã Mường La, tỉnh Sơn La.
349	2	Công an xã Mường La				34.79	Ủy Ban 1 - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 5, xã Mường La, tỉnh Sơn La
	3	Đội chữa cháy và CNCH khu vực II				15	Ủy Ban 1 - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 5, xã Mường La, tỉnh Sơn La
	4	Trụ sở Công an huyện Mường La cũ				17	Ủy Ban 1 - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 5, xã Mường La, tỉnh Sơn La
350	5	Ban chỉ huy Quân sự Mường La				10.4	Ủy Ban 1 - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 5, xã Mường La, tỉnh Sơn La
351	6	Bệnh viện Mường La				13.91	BV Đa Khoa - TT/1000	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 4, xã Mường La, tỉnh Sơn La.
352	7	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa xã Mường La	20	10	6		Tiểu Khu 5 - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 5, xã Mường La, tỉnh Sơn La
353	8	Bưu điện xã Mường La	8.6	8.6	5		Ngã Tư - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 2, Xã Mường La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
354	9	Trung tâm viên thông xã Mường La	30.7	20	15.3		T16 - TT/180	Lộ 375E17.3	
355	10	Chi nhánh cấp nước Mường La	20	5	20		Ngã Tư - TT/180	Lộ 377E17.3	Tiểu khu 2, Xã Mường La, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
356	11	Trạm Bơm huyện Mường La	17.5	6	17.5		Nà Lốc - TT/100	Lộ 379E17.3	
LXXII	72	XÃ CHIỀNG LAO	15	6	5	12			
357	1	Đảng ủy, HĐND huyện, UBND xã Chiềng Lao	15	6	5		Huổi La 1 - CL/100	Lộ 381 E17.3	Xã Chiềng Lao, tỉnh Sơn La
358	2	Công an xã Chiềng Lao				12	T1 Huội Quảng - CL/180	Lộ 379 E17.3	
LXXIII	73	XÃ MƯỜNG BÚ	20	9	6	28			
359	1	Đảng ủy, HĐND huyện, UBND xã Mường Bú	20	9	6		Bản Giàn - MB/180	Lộ 375E17.3	Tại bản Tạ Búng, xã Mường Bú
360	2	Công an xã Mường Bú				13	Bản Giàn - MB/180	Lộ 375E17.3	Tại bản Tạ Búng, xã Mường Bú
361	3	Trạm y tế xã Mường Bú (Xã Tạ Bú cũ)				10	Mường Bú – MB/100	Lộ 375E17.3	Tại bản Tạ Búng, xã Mường Bú
	4	Trạm y tế xã Mường Bú (Xã Mường Chùm cũ)				8		Lộ 375E17.3	Tại bản Mường Kham, xã Mường Bú
362	5	Bưu điện xã Mường Bú				5	Lâm Trường – MB/400	Lộ 375E17.3	TK1, Lâm trường - Xã Mường Bú - Tỉnh Sơn La

STT		Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
			Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	Khách hàng không lắp 3 giá			
	6	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Mường Bú				6	Lâm Trường – MB/400	Lộ 375E17.3	TK1, Lâm trường - Xã Mường Bú - Tỉnh Sơn La
LXXIV	74	XÃ CHIỀNG HOA	14	7	5	12			
363	1	Đảng ủy, HĐND huyện, UBND xã Chiềng Hoa	14	7	5		Bản Tả - CH/100	Lộ 371E17.3	
364	2	Công an xã Chiềng Hoa				12	Bản Tả - CH/100	Lộ 371E17.3	
LXXV	75	XÃ NGỌC CHIẾN	0	0	0	30			
365	1	Đảng ủy, HĐND huyện, UBND Xã Ngọc Chiến				18	Bản Phày - NC/180	Lộ 379E17.3	
366	2	Công an xã Ngọc Chiến				12	Bản Phày - NC/180	Lộ 379E17.3	

Lưu ý: Đối với các khách hàng trạm bơm nước chủ yếu phục vụ dân sinh, khi hệ thống điện Quốc gia thiếu nguồn dự kiến chỉ thực hiện điều tiết vào các khung giờ cao điểm của hệ thống, các trạm bơm nước thực hiện bơm nước vào các khung giờ thấp điểm.

PHỤ LỤC 2**Danh sách khách hàng sử dụng điện cho mục đích sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh năm 2026**

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
I	2	3	4	5	6	7	8	
	Toàn tỉnh	25,202	7,896	16,618	4,724			
I	PHƯỜNG CHIỀNG CƠI	25	10	25	0			
1	Trạm bơm nước Bản Chậu	25	10	25		Tỉnh ỦY / 320KVA	Lộ 371 E17.2	Bản Chậu, phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn la
II	PHƯỜNG TÔ HIỆU	330	360	320	0			
2	CN tại tỉnh sơn la - CT CP Vincom RETAIL	1.300	1.600	200		Vincom 1 / 1600KVA	Lộ 473E17.2	TTTM Vincom Sơn La, Tổ 3, Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
3	Cn Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Mường Thanh	2.000	2.000	1.200		KS Mường Thanh / 2000KVA	Lộ 473E17.2	Số 02, Đường Tô Hiệu, Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
III	PHƯỜNG CHIỀNG SINH	630	150	630	0			
4	Công Ty TNHH MTV Sơn Hưng Trung	630	150	630		Sơn Hưng Trung / 750KVA	Lộ 376E17.2	Tổ 3, Phường Chiềng Sinh, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
IV	PHƯỜNG CHIỀNG AN	125	50	125	0			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
5	Trạm bơm nước Bản Cọ	25	10	25		CQT Sở công an cũ / 160KVA	Lộ 473E17.2	Bản Cọ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn la
6	Trạm bơm nước Bản Tông	25	10	25		Bản Tông / 320KVA	Lộ 371 E17.2	Bản Tông, phường Chiềng An, tỉnh Sơn la
7	Trạm bơm nước Là Mường	25	10	25		Là Mường / 180KVA	Lộ 471E17.2	Bản Là Mường, phường Chiềng An, tỉnh Sơn la
8	Trạm bơm nước Bản Pảng	25	10	25		Bản Pảng / 180KVA	Lộ 371 E17.67	Bản Pảng, phường Chiềng An, tỉnh Sơn la
9	Trạm bơm nước Bản Panh	25	10	25		Chiềng xôm / 250KVA	Lộ 371 E17.2	Bản Panh, phường Chiềng An, tỉnh Sơn la
V	XÃ MAI SƠN	6,980	1,065	6,146	2,241			
8	Công ty CP thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao	986	300	200		Trạm biến áp DoVeCo	Lộ 378E17.2	Xã Hát lót, tỉnh Sơn La
9	CT TNHH đầu tư và xây dựng Sông Lam	5.834	2.650	5.834		CT TNHH đầu tư và xây dựng Sông Lam	Lộ 173E17.6	

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
11	Công ty TNHH chăn nuôi Minh Thủy – Cò Nòi				2,230	Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao Minh Thủy Cò Nòi	Lộ 375E17.62	Bản Nà Sảng Xã Hát lót, tỉnh Sơn La
12	CTCP Mía đường Sơn La	1.600	500	1.230		Mía đường	Lộ 375E17.62	
VI	XÃ CHIỀNG MUNG	8.485	2.175	3.911,98	8.485			
13	TT dịch vụ, tư vấn và hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	3.141	1.750	1.980		TBA khu CN Mai Sơn/	Lộ 378E17.2	
14	Chi nhánh CT CP Tinh bột sắn Phú Yên - Nhà máy tinh bột sắn Sơn la	1.091	750	830		Tinh bột sắn 2	Lộ 373E17.62	
15	Chi nhánh CT CP Tinh Bột Sắn Phú Yên - NM Tinh Bột Sắn Sơn La	3.830	1.500	2.830		Tinh Bột Sắn 3,4	Lộ 373E17.62	

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
16	Công ty cổ phần gạch Mai Sơn	423	100	250		TBA Nhà Máy Gạch Mùòng Bon/1500	Lộ 373E17.62	
VII	XÃ CHIỀNG MAI	0	0	0	10.14,56			
17	Phan Thị Quỳnh Hoa - DNTN xây dựng Kim Thành				885	TBA Kim thành/400+250+630	Lộ 373E17.2	
18	Chi nhánh CTTNHH MTV QLKT CT Thủy Lợi Sơn La				130	TBA Đập Thủy lợi Chiềng Dong/400	Lộ 373E17.2	
VIII	XÃ MÙỜNG CHANH	500	700	300	500			
19	Công ty CP Chăn nuôi Minh Thủy Chiềng Chung	500	700	300	500	TBA Chăn nuôi Minh Thủy Chiềng Chung/400+750	Lộ 373E17.2	
IX	PHƯỜNG THẢO NGUYỄN	1.972	1.410	900	0			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
20	N.M Sữa UHT 3	200	130	150		N.M Sữa UHT 3/1600	Lộ 478E17.1	Số 912 đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
21	N.M Sữa UHT 1	572	180	150		N.M Sữa UHT 1/750	Lộ 478E17.1	Số 912 đường Thảo Nguyên, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
22	Khách sạn Mường Thanh	1.200	1.100	600		KS Mường Thanh/1500	Lộ471E17.1	Tổ dân phố Nhà Nghi, phường Thảo Nguyên, tỉnh Sơn La
X	XÃ VÂN HỒ	0	0	0	11			
23	Công ty TNHH TM&XD Thái Sơn (Bơm nước Hang Trùng)				11	BN Hang Trùng/31	Lộ 472E17.1	Bản Hang trùng, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La
XI	XÃ TÔ MÚA	0	0	0	24			
24	UBND xã Tô Múa (Trạm bơm Liên Hưng và Bản Đạo)				24	UBND xã Tô Múa/320	Lộ 374E17.1	Tiểu khu Trung Tâm, xã Tô Múa, tỉnh Sơn La
XII	XÃ XUÂN NHA	2..500	2.100	2.000	0			
25	Công ty cổ phần chăn nuôi Minh Thúy	2.500	2.100	2.000		Chăn nuôi Minh Thúy/2x750+1x560	Lộ 472 E17.1	Bản Nà An, xã Xuân Nha, tỉnh Sơn La
XIII	XÃ CHIỀNG SƠN	250	230	210	0			

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
25	Công ty MTG	250	230	210		Công ty MTG /320	Lộ 372E17.1	Bản Co Phương, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La
XIV	XÃ PHÙ YÊN	950	130	480	0			
26	Công ty CP Giày Ngọc Hà (giày da 3)	250	30	150		Giày Da 2	Lộ 375 E17.5	
27	Công ty CP giày Ngọc Hà (giày da 1)	350	50	180		Giày Da 1	Lộ 375 E17.5	
28	Công ty TNHH May Phù Yên	350	50	150		TBA May Tâm Việt/560	Lộ 371 E17.5	
XV	XÃ SÔNG MÃ	967	150	780	0			
29	Công ty TNHH thương mại và xây dựng Thái Sơn (Trạm Bơm nước Chiềng Khương)	150	0	150		Bơm nước Chiềng Khương/180	Lộ 375 E17.30	Bản Chiềng Khương xã Chiềng Khương tỉnh Sơn La
30	Công ty Cổ phần Quyết Tiến Sông Mã	817	150	630		TBA Tuynel Quyết Tiến/1000	Lộ 375 E17.30	Tổ dân phố 6 xã Sông Mã tỉnh Sơn La
XVI	XA MUỜNG LA	250	75	0	0			
31	Công Ty Cổ phần May Tiên Sơn - Mường La (Điện Mặt trời MN)	250	75	0		Công Ty CP May ML/1000	Lộ 377 E17.3	

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
XVII	XA MUỜNG BÚ	0	0	0	60			
32	Trạm bơm nước Bản Chón (Hua Bó)				15	Bản Chón - MB/75	371 E17.2 Sơn la	Bản Chón - Xã Muờng Bú - Tỉnh Sơn La
33	Trạm cấp nước sinh hoạt Bản Cúp				15	Bản Cúp - MB/100	Lộ 375E17.3	Bản Cúp - Xã Muờng Bú - Tỉnh Sơn La
34	Trạm lọc nước sạch Bản Giàn				15	Lâm Trường 2 - MB/160	Lộ 375E17.3	Bản Giàn - Xã Muờng Bú - Tỉnh Sơn La
35	Trạm lọc nước sạch (Bản Muờng Bú, Búng Diễn) Hà Đức Mạnh				15	Muờng Bú - MB/100	Lộ 375E17.3	Bản Búng Diễn - Xã Muờng Bú - Tỉnh Sơn La
	XA THUẬN CHÂU	778	350	370	0			
36	Trạm bơm nước cao su	120	0	120		Bơm nước cao su/250	Lộ 375 E17.4	
37	NM chế biến mủ cao su	658	350	250		Cao su Sơn La/ 1500	Lộ 375 E17.4	
XVIII	XÃ BẮC YÊN	460	350	420	0			
38	Trại chăn nuôi Cao Đa	460	350	420		Trại chăn nuôi Cao Đa/750	Lộ 373 E17.5	

STT	Khách hàng	P sử dụng (kW)				TBA cấp điện/ CS	Đường dây cấp điện	Địa chỉ làm việc hiện tại
		Bình thường	Cao điểm	Thấp điểm	K/h không lắp 3 giá			
XIX	XÃ YÊN CHÂU	0	0	0	2170			
39	Công Ty Cổ Phần Giấy Yên Châu				1,120	Giấy da Yên Châu/1500	Lộ 373E17.66	
40	Công Ty Cổ Phần Hưng Thịnh Yên Châu				1,050	Nhà máy gạch Tuynen YC/1500	Lộ 371E17.66	
XX	XÃ CHIỀNG HẶC	0	0	0	218			
41	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chăn Nuôi Chiềng Hặc				218	Chăn nuôi CH/250	Lộ 373E17.66	